

# THÔNG LUẬN

NGUYỆT SAN THÔNG TIN NGHỊ LUẬN

TẬP HỢP DÂN CHỦ ĐA NGUYÊN

Publiée par Association Vietnam Fraternité, 7 allée Bouleau Carreau, 77600 Bussy-Saint Georges, France

Adresse Web : <http://www.thongluan.org> - Directeur de la publication: Nguyễn Văn Huy

ISSN 1145-9557 - Số 237 - Năm thứ 22, tháng 06-2009

Liên lạc: *Hộp thư Thông Luận (internet) : [httl@thongluan.org](mailto:httl@thongluan.org)*

*Mua báo: Nguyễn Văn Thạch, 7 Square Philippe Lebon, 77185 Segnes, France.*



## Đừng quên Thiên An Môn!

Hai mươi năm trước, đêm 4-6-1989, xe tăng quân đội Trung Quốc tràn vào quảng trường Thiên An Môn tàn sát các sinh viên đã tập trung biểu tình tại đó từ hơn hai tuần lễ. Số sinh viên bị giết được biết là từ 300 đến 3000. Từ đó đến nay vẫn không hề có một cuộc điều tra nào để biết con số sinh viên thiệt mạng thực sự là bao nhiêu. Đó chỉ là một chi tiết. Mạng người không có giá trị gì tại Trung Quốc.

Thảm kịch còn lớn hơn khi người ta ý thức rằng những người chết là những người trẻ còn cả cuộc đời để sống trong khi người ra lệnh tàn sát họ, Đặng Tiểu Bình, là một ông già 85 tuổi đang sống những ngày cuối đời. Chiều tối đã xóa bỏ buổi sáng. Những sinh viên này đã làm gì để phải chết thảm? Họ chỉ biểu tình một cách ôn hòa đòi dân chủ. Họ không chống cộng, cũng không có tổ chức và chương trình, họ chỉ yêu cầu chính quyền cải tổ. Họ không hề hành hung hay đập phá. Đó chỉ là một khối thanh niên thơ ngây bày tỏ những nguyện ước trong sáng một cách hiền lành. Giải tán họ là điều không nên nhưng nếu muốn thì cũng không khó, không cần phải dùng đến bạo lực. Và lại đa số đã ra về sau hai tuần mệt mỏi, số còn lại đang thu dọn hành lý để giải tán. Nhưng Đặng Tiểu Bình đã muốn chứng tỏ quyền lực của ông ta không thể bị thách thức dù là một cách lễ độ.

Cuộc thảm sát Thiên An Môn đã chìm vào dĩ vãng. Tổng thống Obama trong bài diễn văn tại Cairo ngày 4-6-2009 không dành một lời nào cho biến cố này, dù hôm đó đúng là ngày kỷ niệm hai mươi và dân chủ là một trong những chủ đề quan trọng trong thông điệp mà ông muốn gửi tới thế giới. Một vài tờ báo và đài truyền hình nhắc lại biến cố này nhưng không hề lên án Đặng Tiểu Bình, đa số còn ca ngợi Đặng Tiểu Bình như một lãnh tụ sáng suốt đã mở cửa Trung Quốc với những kết quả ngoạn mục. Một số sinh viên Trung Quốc mới lớn lên được phỏng vấn



đều nói một cách thần nhiên là phải quên đi quá khứ để hướng về tương lai. Họ muốn nói tương lai cá nhân của họ.

Tuy vậy sẽ là một sai lầm lớn nếu quên đi cuộc thảm sát Thiên An Môn. Nó là một thảm kịch lớn, hàng ngàn

thanh niên vô tội đã bị giết một cách dã man. Nhớ lại một tội ác là điều tối thiểu phải làm nếu không muốn nó tái diễn. Hơn nữa biến cố Thiên An Môn đã có ảnh hưởng quyết định trên các diễn tiến sau đó tại Trung Quốc, Việt Nam và Đông Á nói chung. Nếu cuộc đấu tranh của khối sinh viên Thiên An Môn thắng lợi, hay ít nhất không bị đập tan một cách hung bạo như thế, thì Trung Quốc sẽ không như ngày nay và các nước trong vùng, đặc biệt là Việt Nam, cũng sẽ khác nhiều, có thể khác hẳn.

Sau Thiên An Môn những gì đã xảy ra? Đảng Cộng Sản Việt Nam đang tự hỏi liệu có trụ được hay không và đang phân vân tìm hướng đi mới đã nhìn thấy giải pháp cầu hòa và dựa vào Trung Quốc để tồn tại. Liên minh Đỗ Mười-Lê Đức Anh đã nắm được quyền lực để thực hiện chính sách cúi đầu trước Trung Quốc, đồng thời dương nanh vuốt trước nhân dân. Chúng ta mất một cơ hội dân chủ hóa, mất đất, mất biển, mất cả thể diện quốc gia.

Nhưng chính Trung Quốc đã mất nhiều nhất. Trong cuộc thăm viếng Hoa Kỳ năm 1979, Đặng Tiểu Bình đã tuyên bố một cách đầy tự tin là Trung Quốc không theo kinh tế thị trường để xây dựng một xã hội tư bản hoang dại mà để tiến tới một sự phồn vinh đi đôi với công bằng xã hội, trong đó không phải chỉ có một thiểu số trở thành giàu có. Thực tế là ngày nay Trung Quốc còn tệ hơn cả một xã hội tư bản rừng rú. Đảng Cộng Sản Trung Quốc đã lột xác thành một giai cấp bóc lột, ý niệm liên đới hoàn toàn biến mất, môi trường sinh sống bị tàn phá một cách không thể đảo ngược. Đó là vì không có dân chủ và nhân quyền, những điều mà các sinh viên viên bị giết tại Thiên An Môn đòi hỏi, thì không có gì để giới hạn lòng tham và sự gian ác.

Nghiêm trọng hơn nữa, trong chiều sâu, ngay cả ý thức dân tộc của người Trung Quốc cũng không còn. Khi các sinh viên không còn xúc động vì hàng ngàn sinh viên khác bị thảm sát là họ không còn tự coi là thành viên của một cộng đồng nào cả. Trung Quốc đã ngã gục tại quảng trường Thiên An Môn ngày 4-6-1989. Tương lai sẽ chứng minh điều đó.



## Obama tại Cairo, dân chủ ở mức độ zero ?

Nguyễn Gia Kiểng

Không ai có thể phủ nhận rằng những gì mà một tổng thống Mỹ và bộ tham mưu của ông biết và nghĩ về những vấn đề lớn của thế giới có tầm quan trọng đặc biệt đối với mọi dân tộc.

Tôi chỉ biết George W. Bush qua tiểu sử chính thức, báo chí, những bài diễn văn và những bài phỏng vấn của ông nhưng tôi vẫn có cảm tưởng ông là một con người thực tiễn và giản dị, quyết định mọi vấn đề một cách nhanh chóng dựa trên đề nghị của bộ tham mưu thân cận, không hề biết tới kinh Koran và có thể nghĩ Khổng Tử là một bộ trưởng Nhật, núi Kilimanjaro ở Nam Mỹ. Obama, trái lại, tỏ ra biết nhiều và nghĩ nhiều về những vấn đề lớn của thế giới. Bài diễn văn ngày 4-6 vừa qua tại Cairo của ông là một thí dụ.

Về văn phong và hình thức, đó là một mẫu mực về soạn thảo thông điệp chính trị. Bằng những câu và chữ thật giản dị Obama đã đề cập tới các vấn đề rất lớn một cách thuyết phục và truyền cảm. Bài viết đã hay, cách nói của Obama lại tuyệt vời, ông nói một cách tự nhiên, không cần giấy trong vòng gần một tiếng đồng hồ và nói một cách hùng hồn, thu hút. Ông đã thành công mỹ mãn, diễn văn của ông bị cắt ngang hơn 40 lần vì những tràng pháo tay nồng nhiệt của trí thức và sinh viên Ai Cập. Lý do thành công của Obama là ông đã chinh phục được cảm tình của cử tọa, ông tỏ ra hiểu họ và quý trọng họ - chào họ bằng tiếng Ả Rập *assalamu alaikum*, trích dẫn nhiều lần kinh Koran. Từ đó tất cả những gì ông nói đều dễ lọt tai.

Về nội dung, Obama đã đề cập tới bảy vấn đề của thế giới, đặc biệt là của thế giới Hồi Giáo và vùng Trung Đông, trong đó Hoa Kỳ có vai trò chiến lược : cuộc chiến chống khủng bố, quan hệ Do Thái-Palestine, Iran và vũ khí nguyên tử, dân chủ, tự do tôn giáo, quyền phụ nữ, phát triển kinh tế. Tất cả đều là những vấn đề nền tảng và dài hạn. Người ta có thể lưu ý là Obama hoàn toàn không nói tới cuộc khủng hoảng kinh tế lớn đang làm điêu đứng cả thế giới. Trên tất cả những chủ đề này, Obama đã đưa ra những nhận định, đôi khi kèm theo những biện pháp cụ thể đáng được hoan nghênh, hoặc không có gì để gây bất bình, ít nhất trong thời điểm này. Tuy vậy trong chiều sâu và trong lâu dài, nếu văn cũng là người, bài diễn văn này có thể khiến người ta lo ngại về "nhận thức Obama".

Hãy bắt đầu bằng những điểm đúng : Obama khẳng định quyết tâm của Hoa Kỳ đương đầu với các lực lượng quá khích hung bạo, ông hoàn toàn có lý khi coi chúng chỉ thuần túy là những lực lượng khủng bố theo đuổi những mục tiêu đen tối bằng cách giết hại những thường dân vô tội. Ông càng có lý khi nhìn nhận rằng Hoa Kỳ trong cơn chấn động sau ngày 11-9-2001 đã sử dụng những biện pháp sai trái ; người ta chỉ có thể đồng ý với ông, một mục tiêu trong sáng phải được bảo vệ bằng phương tiện xứng đáng ; người ta cũng chỉ có thể hoan nghênh quyết định cấm tra tấn và đóng cửa nhà tù Guantanamo, những tuyên bố như vậy chinh phục cảm tình của thế giới đối với Hoa Kỳ trong cuộc chiến tại Afghanistan. Obama cũng đã nói rất khéo về Iraq : *"Trái với Afghanistan, Iraq là cuộc chiến có chọn lựa. Mặc dù tôi tin rằng nhân dân Iraq sau cùng đã thoát mái hơn sau khi không còn chế độ bạo ngược của Saddam Hussein, tôi cũng tin rằng những gì đã xảy ra tại Iraq đã nhắc nhở Hoa Kỳ rằng, mỗi khi có thể được, phải sử dụng ngoại giao*



*và tạo đồng thuận quốc tế để giải quyết các vấn đề".* George W. Bush cũng không thể phiến lòng.

Obama đã rất thuyết thuyết phục khi viện dẫn lịch sử lập quốc của Hoa Kỳ để khẳng định Hoa Kỳ hoàn toàn không có tham vọng đế quốc và không hề nhòm ngó lãnh thổ và tài nguyên của một nước nào và sẽ triệt thoái quân đội khỏi Iraq và Afganistan ngay khi tình hình cho phép. Việc nhắc lại lịch trình rút quân khỏi Iraq cũng rất khôn ngoan, đúng nơi và đúng lúc. Trên vấn đề nhức nhối nhất tại Trung Đông, cuộc xung đột Do Thái-Palestine, Obama đã tỏ ra sáng suốt và can đảm, ông đã có thái độ phải có là nhắc lại một cách mạnh mẽ và dứt khoát lập trường của Hoa Kỳ là người Palestine có quyền và phải được có một quốc

gia đúng nghĩa của riêng họ. Đây là điều đáng hoan nghênh nhất trong bài diễn văn này. Hoa Kỳ phải nói thẳng thắn như thế đối với người Do Thái vào lúc họ vừa bầu ra một chính quyền cực hữu với chủ trương bành trướng rõ rệt. Cuộc xung đột Do Thái-Palestine bế tắc không phải vì nó không có giải đáp mà vì nó có giải đáp hiển nhiên mà những người trong cuộc, kể cả hai dân tộc Do Thái và Palestine, không chịu chấp nhận, đó là hai nhà nước riêng biệt nhìn nhận quyền hiện hữu của nhau và sống chung hòa bình với nhau. Điều này Hoa Kỳ cần khẳng định một cách thật rõ rệt và quả quyết một lần cho tất cả để vô hiệu hóa khuynh hướng cực hữu Do Thái và đồng thời cắt cò dưới chân các lực lượng khủng bố sống nhờ lòng thù hận của người Palestine, và Ả Rập nói chung, đối với Do Thái. Chỉ Hoa Kỳ có thể làm được điều này bởi vì Do Thái chỉ tồn tại được nhờ sự yểm trợ của Hoa Kỳ, Do Thái gần như một tiểu bang của Hoa Kỳ; như Obama nói sự ràng buộc giữa Hoa Kỳ và Do Thái không thể cắt đứt được. Khuynh hướng quốc gia cực đoan tại Do Thái chỉ tồn tại vì thái độ của Hoa Kỳ chưa đủ rõ rệt.

Điều thực sự mới trong chính sách Trung Đông của Hoa Kỳ là đối với Iran và sự kiện nước này phát triển kỹ thuật nguyên tử. Obama đã phát biểu một lập trường mà đáng lẽ Hoa Kỳ đã phải có từ lâu. Từ ba thập niên qua, hình ảnh khuôn mẫu, stereotype, của Iran trong đầu óc người Mỹ là một nước Iran cuồng tín, hiếu chiến, chống Phương Tây và Hoa Kỳ một cách hung hăng. Trong hơn mười năm tôi có một cộng sự viên người Iran, Houshang, tiến sĩ vật lý nguyên tử và rất thông thạo tình hình Iran. Houshang không phải chỉ là một nhà khoa học mà còn là một nhà hoạt động chính trị. Houshang là một trong những cấp lãnh đạo của phong trào chống đối chế độ quân chủ Pahlevi mà biểu tượng là Ayatolla Khomeini. Sau khi chế độ quân chủ bị lật đổ, Houshang trở thành bộ trưởng khoa học kỹ thuật rồi thất vọng và bỏ ra nước ngoài, hiện là một trong những lãnh tụ đối lập dân chủ lưu vong hàng đầu. Tôi đã thảo luận rất nhiều với Houshang về Iran và Houshang cũng giới thiệu cho tôi nhiều trí thức Iran khác. Tất cả đều cùng nói một điều : người Iran không hề chống Phương Tây và Hoa Kỳ, cũng không hề cuồng tín, trái lại đa số thích lối sống dân chủ Phương Tây, thành phần Hồi Giáo Shia quá khích chỉ vào khoảng 5%. Ngay trong giới lãnh đạo hiện nay đa số cũng chỉ quá khích ngoài mặt. Chính Houshang đã đứng đầu chương trình nguyên tử của Iran để có thể khẳng định rằng việc chế tạo bom nguyên tử của Iran chỉ

là một đon thẩu cáy. Hình ảnh của nước Iran mà họ mô tả cho tôi hoàn toàn khác với hình ảnh mà chính giới Hoa Kỳ có. Chỉ tới cách đây hai tuần tờ *Newsweek*, trong một số đặc biệt về Iran mới trình bày nước này giống như hình ảnh mà các bạn tôi mô tả. Tít lớn ngoài bia của số báo này là "All we know about Iran is wrong" (Tất cả những gì chúng ta biết về Iran đều sai). Nhiều khi tôi tự hỏi với những phương tiện và nhân lực hùng hậu như vậy tại sao chính giới Hoa Kỳ có thể hiểu sai về một quốc gia quan trọng như vậy trong một thời gian dài như vậy.

Tóm lại đó là một bài diễn văn rất hay. Tuy vậy tôi không thể xua đuổi cảm tưởng là Obama đã có những ngộ nhận lớn trên một số vấn đề cơ bản.

Vấn đề giữa Phương Tây và thế giới Hồi Giáo có thực sự là mâu thuẫn tôn giáo như Obama trình bày hay không ? Đó là điều mà các tổ chức khủng bố như Al Qaeda, Hamas, Hezbollah v.v. muốn người ta nghĩ, nhưng cách nhìn này không đúng. Không hề có một nước Phương Tây nào chống Hồi Giáo cả, trái lại các chính quyền Phương Tây, kể cả chính quyền Bush nổi tiếng là thù vụng về ngoại giao, còn hết sức cố gắng tránh mọi mâu thuẫn với Hồi Giáo. Cũng không hề có xung đột giữa Thiên Chúa Giáo và Hồi Giáo, các giáo hoàng Công Giáo La Mã từ hàng thế kỷ nay luôn luôn bày tỏ sự tương kính đối với các tôn giáo khác kể cả Hồi Giáo, họ còn nhìn nhận những cuộc thập tự chinh trong quá khứ là sai lầm, xin lỗi và hòa giải với Do Thái Giáo. Người ta cũng không bao giờ thấy một thái độ bài xích nào từ các hệ phái Tin Lành. Và nếu muốn thẳng thắn nói công khai sự thực - thay vì chỉ nói trong phòng khép kín như chính Obama kêu gọi trong bài diễn văn này - thì phải nói rằng những hành động và cử chỉ quá khích gần đây đã chủ yếu đến từ một số phần tử Hồi Giáo. Và lại Phương Tây có còn theo Thiên Chúa Giáo hay không là cả một câu hỏi. Tại Mỹ có thể còn sấp xỉ 50% dân chúng còn đức tin Thiên Chúa Giáo nhưng tại Tây Âu con số này chưa tới 10% và đang tiếp tục giảm đi, Thiên Chúa Giáo chủ yếu chỉ còn là một di sản văn hóa. Hơn nữa, nếu coi những khó khăn trong quan hệ của Trung Đông và đa số các nước Hồi Giáo nói chung với phần còn lại của thế giới như là một xung đột tôn giáo thì không có giải pháp ổn thỏa nào cả. Đặc tính của mọi tôn giáo là đặt nền tảng trên đức tin và các đức tin không thể chứng minh và thảo luận.

Vậy vấn đề thực sự là gì ? Đó là sự thích nghi bắt buộc của Hồi Giáo với thời đại mới, nghĩa là triệt thoái khỏi chính trị để trở về vị trí của một tôn giáo bình thường như các tôn giáo khác. Vấn đề theo đạo và sống đạo phải được coi như một chọn lựa cá nhân. Không nên tránh né một sự thực là mọi tôn giáo khởi thủy đều mang tính nhất nguyên, một tôn giáo không là một tôn giáo nếu chấp nhận rằng điều ngược lại với đức tin của nó cũng có thể đúng. Do đó dân chủ, mà triết lý nền tảng là chủ nghĩa cá nhân tự do, đã chỉ thành hình với sự phủ nhận quyền lực của các tôn giáo. Nền dân chủ Hoa Kỳ đã được thành lập bởi những người ra đi tìm một quê hương mới để phản đối độc quyền tôn giáo. Trường hợp Hòa Lan cũng không khác. Cuộc cách mạng Pháp 1789 là cuộc cách mạng vừa chống chế độ quân chủ vừa chống giáo hội Công Giáo. Tước bỏ quyền lực chính trị của các tôn giáo là điều kiện tiên quyết của dân chủ. Thiên Chúa Giáo đã phải trải qua Thế Kỷ Ánh Sáng, le Siècle de Lumière, (thế kỷ 18) trong đó các tín điều bị chất vấn rồi sau đó chính giáo hội trở thành nạn nhân của cuộc cách mạng. Khổng Giáo, giữ vai trò một tôn giáo về mặt chính trị và xã hội, cũng phải bị đẩy

lùi tại Đông Á trong cuộc gặp gỡ với Phương Tây để dọn đường cho các chế độ dân chủ. Đến lượt nó, Hồi Giáo cũng sẽ phải trải qua một cuộc xét lại rất lớn. Đó là điều kiện bắt buộc để các quốc gia Hồi Giáo có thể trở thành bình thường trong một thế giới toàn cầu hóa.

Cuộc xét lại này sẽ rất khó khăn và đau nhức vì những lý do xuất phát từ chính bản chất của Hồi Giáo. Trái với các tôn giáo khác, Hồi Giáo trên nguyên tắc không thể chấp nhận xét lại. Phật là một người giác ngộ nhưng cũng vẫn là một người, do đó kinh Phật không có giá trị tuyệt đối. Thánh kinh Thiên Chúa Giáo do những tiên tri và những tông đồ của Jesus chép lại và cũng có thể không hoàn toàn chính xác. Đó không phải là trường hợp của kinh Koran. Koran là lời của chính Thượng Đế nhập vào Muhammad để nói ra, vì thế không thể thay đổi. Xét lại kinh Koran là mặc nhiên nhìn nhận hoặc Allah có thể sai (và như thế không thể là Allah akbar), hoặc Allah đã không nhập vào Muhammad ; trong cả hai trường hợp Hồi Giáo chỉ là một sự hiểu lầm. Đoạn 69 của kinh Koran qui định những kẻ thêm bớt kinh Koran sẽ bị chặt tay.

Nhưng Hồi Giáo bắt buộc phải xét lại vì không thể tồn tại với kinh điển hiện nay. Nó can thiệp trực tiếp vào quyền lực và chứa đựng quá nhiều điều không phù hợp với thế giới văn minh. Các tôn giáo lớn nói chung đều ra đời vì lý do chính trị như một phản ứng với một trật tự xã hội sẵn có và sau đó trở thành nền tảng cho một quyền lực chính trị mới, nhưng với những quan điểm khác nhau về tương quan giữa tôn giáo và chính trị, hay giữa Thượng Đế và Vua. Tự chung có ba mô hình : trong quan điểm Thiên Chúa Giáo, thượng đế và vua khác nhau và phân biệt với nhau (Jesus : hãy trả cho Thiên Chúa những gì thuộc về Thiên Chúa, hãy trả cho Caesar những gì thuộc về Caesar) ; trong các xã hội Khổng và Phật Giáo, vua là thượng đế ; trong các xã hội Hồi Giáo, thượng đế là vua. Đối với Hồi Giáo chính thống, tôn giáo là chính quyền và luật pháp, Sharia chỉ là sự áp dụng trực tiếp của kinh Koran vào đời sống. Sự xét lại đã khiến Thiên Chúa Giáo mất rất nhiều ảnh hưởng, nhưng nó sẽ còn đau nhức hơn rất nhiều đối với Hồi Giáo.

Obama hoặc đã hời hợt hoặc đã mê dân khi đề cao Hồi Giáo như là một tôn giáo bao dung đã góp phần quan trọng cho nền văn minh của thế giới. Đúng là Hồi Giáo đã có đóng góp lớn, nhưng không lớn như ông đã nói. Còn bao dung thì chắc chắn là không, ngay chính những đoạn kinh Koran mà ông cất để trích dẫn nếu đọc tiếp cũng thấy ngay những hình phạt ghê gớm dành cho kẻ bị coi là chống Hồi Giáo. Những câu Obama trích ra (ai giết một người vô tội cũng như giết cả nhân loại, ai cứu một người cũng như đã cứu cả nhân loại) cũng cần được tương đối hóa : chúng chỉ áp dụng cho người Hồi Giáo, những người không theo Hồi Giáo không vô tội, họ là những kẻ phản bội. Vô tình hay cố ý Obama cũng đã giải thích sai ý nghĩa của sự kiện nhiều phụ nữ đã được bầu vào địa vị lãnh đạo cao nhất tại những nước Hồi Giáo lớn như Turkey, Indonesia, Pakistan, Bangladesh. Điều đó hoàn toàn không chứng minh Hồi Giáo tôn trọng phụ nữ, cả kinh Koran lẫn luật Sharia đều không coi phụ nữ ra gì cả, những cuộc bầu cử đó đã chỉ chứng minh rằng quần chúng Hồi Giáo muốn thay đổi. Các lực lượng Hồi Giáo toàn nguyên biết như vậy và đã hành động hung bạo vì tuyệt vọng. Một tôn giáo có bao dung hay không, không phải ở chỗ kinh sách có nói những điều nhân hậu mà ở chỗ không nói những điều nghiệt ngã, và cả Koran lẫn Sharia đều chứa đựng rất nhiều điều khắc nghiệt. Cũng không nên quên rằng bạo lực và thánh chiến nằm ngay trong bản chất của Hồi Giáo, trong





bốn giáo chủ kế tiếp Muhammad ba người đã bị giết bởi chính những phe phái Hồi Giáo. Obama đã quá cường điệu khi tuyên bố: "trách nhiệm của tôi trong cương vị tổng thống Mỹ là chống lại những hình ảnh đúc khuôn về Hồi Giáo ở bất cứ nơi nào mà chúng xuất hiện". Đó là công việc của các nhà báo và các nhà nghiên cứu, tổng thống Mỹ có những trách nhiệm cần thiết và cấp bách hơn.

Nói như thế không phải là để chống Hồi Giáo. Hồi Giáo đã đem đến một tinh thần quan trọng, đó là sự liên đới giữa các tín đồ vào một lúc mà trên cả thế giới các xã hội được phân chia thành chủ và tớ, Thiên Chúa Giáo đã biến chất để trở thành một dụng cụ cai trị của các vua chúa. Đó đã là sức mạnh của Hồi Giáo khiến nó phát triển một cách mạnh mẽ và nhanh chóng như chưa bao giờ thấy trong lịch sử nhân loại. Mọi tôn giáo đều ra đời như một tiến bộ rồi dần dần không thích nghi với chính tiến bộ mà chúng tạo ra và trở thành một dụng cụ thống trị và một trở ngại cho tiến bộ. Hồi Giáo cũng không phải là một ngoại lệ. Cũng như Thiên Chúa Giáo và Khổng Giáo, Hồi Giáo sẽ phải trải qua một cuộc xét lại lớn, nhiều lần đau nhức hơn Thiên Chúa Giáo. Trong thế kỷ 21 rất có thể Hồi Giáo sẽ phải chịu chung số phận của Khổng Giáo tại Đông Á, nghĩa là mờ nhạt dần đi. Đó là điều đang xảy ra tại Turkey; tại những thành phố lớn, ngay cả tại các công viên, vào giờ trưa khi tiếng gọi cầu nguyện vang lên inh tai nhức óc từ các tháp chuông không còn ai cầu nguyện, người ta vẫn đi lại, trò chuyện, hút thuốc, uống cà phê như thường lệ, vào các mosque thì chỉ thấy lác đác vài chục người. Một trong những chuyển hóa quan trọng nhất của thế kỷ 21 sẽ là sự hoàn tất một tiến trình đã được khởi đầu và đẩy khá xa trong thế kỷ 20: bình thường hóa chỗ đứng của Hồi Giáo trong xã hội.

Vấn đề thực sự của thế giới Hồi Giáo không phải là mâu thuẫn với Phương Tây, càng không phải là đụng độ với Thiên Chúa Giáo mà là vấn đề của Hồi Giáo với chính mình, nghĩa là hòa giải và thích nghi với dân chủ. Đó là sự thích nghi bắt buộc.

Dân chủ là một trong những vấn đề lớn mà Obama đề cập tới trong bài diễn văn Cairo. Đó cũng là đoạn mà ông nói ngắn nhất và khiến tôi thất vọng nhất. Ông là người sang trọng và quyền lực nhất thế giới, tôi chỉ là một người lưu vong, không có cả quyền đặt chân lên chính quê hương mình nhưng trong chừng mực mà một kẻ tầm thường cũng có thể có lý tôi phải nói rằng Obama đã sai. Obama nói rằng không một nước nào có quyền áp đặt một hệ thống chính trị lên một nước khác. Đúng, nhưng chỉ đúng một phần. Không phải hệ thống chính trị nào cũng chấp nhận được, có những giá trị mà mọi quốc gia phải tôn trọng và thể hiện. Và cộng đồng quốc tế phải áp đặt những giá trị này. Cũng như trong một nước không ai được quyền áp đặt một nhân sinh quan lên một cá nhân khác, nhưng vẫn phải có luật pháp để bảo đảm một số giá trị chung được mọi người tuân thủ. Chúng ta không còn ở trong một thế giới man rợ. Obama định nghĩa dân chủ như nguyên tắc theo đó chính quyền phải phản ánh nguyện vọng của dân chúng, và mỗi chính quyền thể hiện nguyên tắc này theo cách riêng của mình, tùy theo truyền thống của mỗi dân tộc. Thật đáng buồn, đây đúng là ngôn ngữ của các chế độ độc tài bạo ngược. Theo Obama, những nguyện vọng của người dân là được nói những điều mình nghĩ, được có tiếng nói trong cách quản trị đất nước, được có một chính quyền không ăn cướp của dân và được sống theo cách mà mình chọn lựa. Cũng đúng, nhưng đây chỉ là dân



chủ ở mức độ trừu tượng và mơ hồ, mức độ zero về mặt chính trị. Các chế độ độc tài cũng luôn luôn vỗ ngực tự xưng là phản ánh những nguyện vọng này của người dân. Chúng còn trắng tráo gọi bộ máy đàn áp là chính quyền nhân dân, ủy ban nhân dân, tòa án nhân dân. Nhân loại, sau nhiều đấu tranh cam go và những hy sinh lớn, đã vượt qua được mức độ lãng mạn và nguyên tắc, mức độ zero, để đạt tới một định nghĩa tương đối rõ ràng cho một chế độ dân chủ: đó là một chế độ ít nhất bảo đảm tự do ngôn luận và báo chí, tự do thành lập và tham gia các tổ chức kể cả các chính đảng, tự do bầu cử và ứng cử. Đó là định nghĩa của dân chủ đã được quy định trong bản tuyên ngôn quốc tế nhân quyền, thành phần của hiến chương Liên Hiệp Quốc. Dân chủ với định nghĩa trên đây nằm trong công pháp quốc tế mà Liên Hiệp Quốc và mọi quốc gia có nhiệm vụ bảo đảm sự tuân thủ. Các chế độ độc tài bạo ngược vi phạm công ước quốc tế, thái độ đúng và hợp với công pháp quốc tế là đánh đổ chúng trừ khi cái giá phải trả quá cao, trong trường hợp này cũng phải gây sức ép tối đa.

Đây không phải là lần đầu tiên Obama nói về dân chủ và tự do một cách hời hợt. Trong bài diễn văn nhận chức, Obama đã nói: "Đối với các chính quyền bị miệt những người đối lập, chúng tôi nói các vị đi sai chiều lịch sử, nhưng nếu các vị chìa bàn tay thân thiện chúng tôi cũng sẽ nắm lấy". Tôi ngạc nhiên khi đọc những bài bình luận của một số người Việt hân hoan vì Obama đã lên án các chế độ bị miệt đối lập. Các chế độ độc tài, trong đó có chế độ cộng sản Việt Nam, không mong gì hơn là được "lên án" như vậy.

Tuy vậy tôi vẫn hoan nghênh việc Obama đắc cử tổng thống Mỹ. Sau hai nhiệm kỳ của George W. Bush, nó đã hòa giải thế giới với Hoa Kỳ, vừa đánh dấu một bước tiến ngoạn mục trong cuộc đấu tranh đẩy lùi tệ kỳ thị màu da vừa tạo điều kiện thuận lợi cho cuộc chiến đấu chống khủng bố. Tôi cũng không lo ngại lắm về nhận thức mà tôi nghĩ là thiếu hụt của ông. Xã hội dân sự Hoa Kỳ có tiếng nói quyết định và các tổ chức bảo vệ nhân quyền Mỹ vẫn rất mạnh, họ còn có ảnh hưởng lớn hơn với một chính quyền thuộc đảng Dân Chủ. Và lại chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ không thay đổi bao nhiêu dù là dưới một tổng thống Dân Chủ hay Cộng Hòa. Hoa Kỳ vẫn là một yểm trợ vững mạnh cho cuộc vận động dân chủ. Chính Obama phải thận trọng.

Mùa hè năm ngoái, vào giữa lúc cuộc tranh cử tổng thống Mỹ đang sôi nổi, một người bạn thuộc đảng Dân Chủ hoan hỉ khoe với tôi rằng Obama có một ban viết diễn văn rất trẻ. Sự tươi mát của tuổi trẻ quả nhiên thể hiện trong văn phong những bài diễn văn của ông. Chính Obama cũng rất trẻ. Nhưng tuổi trẻ không phải bao giờ cũng là một ưu thế, đôi khi tuổi trẻ cũng là khoảng đời mà người ta chưa đủ thời giờ nghiên cứu và rà soát để gạt bỏ những ngộ nhận và bỏ tước những thiếu sót. Tôi cũng nhận xét là trong bộ tham mưu của Obama không có một nhà tư tưởng chính trị nào dù đó là điều rất cần thiết; tư tưởng khiến hoạt động chính trị có ý nghĩa lâu dài và cho phép người ta có thể uốn chuyển mà không mất định hướng. Obama trong cố gắng tranh thủ sự ủng hộ của quần chúng bằng những bài diễn văn dễ lọt tai nhưng đôi khi hụt hẫng về nhận thức có thể gây thất vọng cho những người thực sự hiểu biết và có tầm nhìn, những người cuối cùng cũng vẫn có vai trò lãnh đạo tinh thần và tạo ra dư luận.

**Nguyễn Gia Kiểng**

## Trung Quốc : bí mật của sự ổn định

Nguyễn Minh

Từ sau Thế Vận Hội Bắc Kinh 2008, dư luận thế giới giảm dần sự chú ý đối với Trung Quốc. Không phải vì chỗ đứng của Trung Quốc giảm tầm quan trọng, ước muốn "được quen lãng" này do chính Bắc Kinh cố tình chủ động.

Song hành với tốc độ phát triển ngoạn mục, Trung Quốc phải đối diện với quá nhiều vấn nạn không có giải pháp. Đã có một đồng thuận bất thành văn giữa chính quyền và dân chúng : vì danh dự và tự hào dân tộc, chính quyền lẫn dân chúng gác qua một bên tất cả những bất đồng để thế giới nhìn Trung Quốc với con mắt kính phục và nể nang. Niềm tự hào này xứng đáng được vinh danh : chỉ trong hai thập niên, từ một quốc gia bị xếp vào hạng nghèo khổ cho đến cuối thập niên 1980, Trung Quốc đã nhanh chóng trở thành một siêu cường kinh tế và quân sự. Nhưng cái giá đã trả quá cao : vì làm quá nhiều cố gắng và hy sinh để bắt kịp sự chậm trễ so với thế giới, đất nước Trung Quốc bị kiệt quệ, nhiều vấn nạn lớn được đặt ra và không có giải pháp : tài nguyên nội địa cạn kiệt, không khí ô nhiễm, nông thôn bị bỏ rơi, nhân mãn trong các đại đô thị... Tất cả những vấn nạn này đều bị ếm nhem để cuộc thi đấu thế vận diễn ra tốt đẹp.

Khi Thế Vận Hội Bắc Kinh vừa chấm dứt, như một nút van được tháo gỡ, những vấn nạn đó nổ bùng khắp nơi. Cho đến nay dư luận phương Tây chỉ biết những gì có thể biết : sữa độc melamine, xí nghiệp xuất khẩu đóng cửa hàng loạt, khiêu khích quân sự trên Biển Đông. Trong thực tế, còn rất nhiều vấn nạn quan trọng hơn đang đe dọa sự nhất thống của Trung Quốc : 200 triệu lưu dân không có công ăn việc làm trong các siêu đô thị, gần như toàn bộ nguồn ngoại tệ dự trữ bị mất trắng trong những thị trường chứng khoán bị khánh tận...

Để trấn an dư luận, Bắc Kinh một mặt tỏ ra hòa hoãn với thế giới phương Tây mà trước đó bị lên án can thiệp vào nội bộ Trung Quốc ; mặt khác tung ra những biện pháp "hòa bình" để kiểm soát tỷ lệ tăng trưởng kinh tế, đà gia tăng dân số và các phương tiện truyền thông trong nước. Qua những biện pháp "hòa bình" này, dư luận phương Tây đánh giá Trung Quốc là quốc gia ít bị ảnh hưởng bởi cuộc khủng hoảng kinh tế và tài chính quốc tế, hoặc đang vượt lên một cách dễ dàng.

Thật tế như thế nào ?

### Giảm xuất khẩu nhưng tăng trưởng vẫn cao

Trước cuộc khủng hoảng kinh tế tài chính quốc tế hiện nay, phần lớn sinh hoạt kinh tế các nước đều tăng trưởng âm, kể cả những vùng kinh tế phát triển năng động như Đông Á và Đông Nam Á, từ Nhật Bản, Đại Hàn, Đài Loan đến Singapore, Thái Lan, Malaysia và Philippines. Chỉ có 4 quốc gia châu Á có chỉ số tăng trưởng dương là Trung Quốc, Ấn Độ, Indonesia và Việt Nam, trong đó Trung Quốc có chỉ số tăng trưởng dương cao : 6% (3 quốc gia còn lại chỉ tăng từ 0,3% đến 1%). Bí mật của chỉ số tăng trưởng cao này do chủ động bằng cách đầu tư ồ ạt vào ngành xây dựng và khuyến khích tiêu thụ nội địa.

Chỉ sau khi bị quay lại với chính mình, ban lãnh đạo đảng cộng sản Trung Quốc tại Bắc Kinh mới khám phá ra rằng phát triển kinh tế lâu dài và ổn định xã hội chỉ có thể xuất phát từ chính mình, nghĩa là phải do chính người Trung Quốc chủ động. Đây là cái vòng lẩn quẩn có lợi cho Trung Quốc nhưng ít được đề cao... vì không mang vào ngoại tệ. Khi xây dựng một xí nghiệp xuất khẩu để thu về ngoại tệ, nhà đầu tư đã vô tình củng cố nội lực của quốc gia đó, sức mạnh này càng tăng khi số xí nghiệp xuất khẩu gia tăng vì đó là những tích sản cố định. Nếu xuất khẩu giảm, trị giá của khối tích sản này vẫn giữ nguyên vì nó vẫn tiếp tục sản xuất, nhưng thay vì cho xuất khẩu thì cho nhu cầu nội địa. Vấn đề của chính quyền là làm sao kích thích tiêu dùng nội địa hay khuyến khích dân chúng gia tăng tiêu xài.

Cũng nên biết, khả năng tiết kiệm của người châu Á trở thành huyền thoại. Đối diện thường trực với chiến tranh, bất ổn xã hội và thiên tai, bản năng tự nhiên của người châu Á là tiết kiệm, phòng hờ những ngày mai bất định, người ta có thể nhịn tiêu xài trong nhiều năm. Chỉ số tiết kiệm của người châu Á có thể từ 30% tới 50% lợi tức kiếm được (mức tiết kiệm trung bình của các quốc gia phương Tây là từ 3 đến 6%).

Tại Trung Quốc, trong thời gian xây dựng hạ tầng cơ sở chuẩn bị Thế Vận Hội Bắc Kinh 2008 và Hội Chợ Thượng Hải 2010, Bắc Kinh chủ trương đô thị hóa trên qui mô toàn quốc. Chính quyền kêu gọi đầu tư xây dựng nhà ở cho dân chúng nhằm cải thiện mức sống và kiểm soát sự nhập cư vào thành phố của những thành phần đến từ nông thôn. Không những nhà cửa, đường sá được xây dựng mà luôn cả hệ thống điện nước, khí đốt, xử lý nước thải và rác gia đình, điều kiện sống của dân cư thành thị nhờ đó đã được cải thiện triệt để.

Thêm vào đó, khi xây nhà dựng cửa, những công ty địa ốc còn tạo ra công ăn việc làm cho hàng chục triệu người rời bỏ vùng nông thôn ra thành thị tìm việc. Nhờ có đồng lương, những người này hoặc gửi về thôn quê giúp đỡ gia đình, hoặc mua sắm cho nhu cầu cá nhân, hoặc để dành phòng hờ những ngày mai đen tối. Biện pháp sau cùng này là đối tượng mà Bắc Kinh đang nhắm tới : phá vỡ tâm lý tiết kiệm để khuyến khích tiêu xài. Ngoài tiêu xài cho nhu cầu cá nhân, chính quyền khuyến khích tiêu xài trên qui mô toàn xã hội bằng cách mua nhà sắm cửa.

Chủ trương khuyến khích tiêu thụ này phù hợp với nhu cầu tình thế. Theo những thống kê của nhà nước, tổng dân số Trung Quốc từ 1,236 tỷ người năm 1999 đã tăng lên 1,328 tỷ người năm 2008, trong đó dân số tại các đô thị từ 523,76 triệu người năm 2003 đã tăng lên 600,67 triệu người năm 2008. Con số này rất là đồ sộ nếu biết rằng hiện nay Trung Quốc có tới 655 đô thị, mỗi đô thị có một dân số bình quân 920 000 người. Tốc độ tăng trưởng dân số đô thị càng đáng lo âu khi so với tốc độ tăng trưởng dân số bình quân trên cả nước : 3,96% so với 0,84% năm 2008, nghĩa là gần gấp 5 lần. Trong kế hoạch 5 năm lần thứ 11 (2006-2010), chủ trương

của Bắc Kinh là gia tăng tốc độ đô thị hóa từ 43,9% năm 2006 lên 47% năm 2010. So với Nhật Bản (tốc độ đô thị hóa đã đạt đến hạn mức tối đa : 65,7% năm 2005), Trung Quốc có thể còn tiếp tục trong từ 20 đến 30 năm nữa. Chính thị trường đầu tư và tiêu thụ địa ốc nội địa này đã giúp Trung Quốc giữ được chỉ số tăng trưởng cao trong giai đoạn khủng hoảng kinh tế toàn cầu.

Tuy vậy, con chốt đen của hiện tượng tăng trưởng độc đáo này là nguy cơ lão hóa. Cũng nên biết số người trên 65 tuổi tại Trung Quốc năm 1953 chiếm 4,41% dân số toàn quốc, năm 2000 là 6,96% (88,1 triệu người), năm 2007 lên 12,86% (147,3 triệu người). Tốc độ lão hóa này gia tăng cùng nhịp với tốc độ đô thị hóa : tuổi thọ trung bình ở vùng đô thị cao hơn ở vùng nông thôn. Tuổi thọ của một nông dân ở Quý Châu là 65,96, trong khi một thị dân ở Thượng Hải là 78,24. Nếu không kiểm soát được tốc độ lão hóa thành thị, số tiền tiết kiệm dân gian sẽ bị giảm vì nhu cầu chữa bệnh khi về già gia tăng. Thiếu tiền tiết kiệm là thiếu tất cả, các dự án đầu tư sẽ bị khựng lại, thất nghiệp gia tăng, mức sống suy giảm.

### **Hướng dẫn dư luận cùng với đa dạng hóa truyền thông**

Làm cách nào để những tin tức bất lợi cho chính quyền không bị tiết lộ ra bên ngoài ? Đó là một bí mật khác.

2009 có lẽ là năm mà Bắc Kinh không muốn có, vì trùng với nhiều dịp kỷ niệm. Có những kỷ niệm thuận lợi cho chế độ như 90 năm của phong trào phản đế Ngũ Tứ (5/4), 60 năm thành lập nước Cộng Hòa Nhân Dân Trung Quốc. Nhưng cũng là năm có nhiều kỷ niệm bất lợi cho chế độ như 50 năm ngày chiếm đóng Tây Tạng, 20 năm sự kiện Thiên An Môn và 10 năm đàn áp Pháp Luân Công.

Để làm chủ tình thế, Bắc Kinh tăng cường chính sách hướng dẫn dư luận (hưng luận dẫn đạo) và khuyến khích đa dạng hóa truyền thông, qua chủ trương xem người là cơ bản (dĩ nhân vi bản) và cấm quyền vì dân (chấp chính vi dân). Mục đích của chính sách này nhằm phát hiện sớm những vấn đề có thể tác hại đến uy tín của đảng và nhà nước và đưa ra những biện pháp hướng dẫn thích ứng. Đây là một chủ trương đầy tham vọng vì Trung Quốc, với hơn 1,4 tỷ người và 9,6 triệu km<sup>2</sup>, là thế giới hơn là một quốc gia. Đó là chưa kể sự khác biệt về ngôn ngữ, chủng tộc và tôn giáo giữa 22 tỉnh, 5 vùng tự trị và 4 thành phố tự trị cùng với Hongkong và Macao. Giữ vững sự thống nhất lãnh thổ và đồng nhất về chính trị là cả một nghệ thuật... phức tạp.

Hiện nay số người sử dụng điện thoại cầm tay trên toàn quốc là trên 500 triệu người, mỗi ngày hơn 200 triệu người trao đổi trên mạng Internet, 1,5 triệu người sử dụng trang web riêng và 70 triệu người xây dựng blog riêng. Đó là chưa kể 290 đài truyền hình, 300 đài phát thanh, 1 900 tờ báo và 9 400 tạp chí do chính quyền trực tiếp quản lý. Với sự xuất hiện ngày càng nhiều những phương tiện truyền thông qua mạng internet và vệ tinh, Bắc Kinh chấp nhận một cách miễn cưỡng sự phát triển của các loại báo đô thị, do tư nhân quản lý, chỉ đăng những bài vở và tin tức phi chính trị.

Để kiểm soát chính quyền huy động cả một đội quân kỹ thuật đông đảo với những phương tiện hiện đại nhất mà phần lớn là những thành phần ưu tú nhất của xã hội. Chính cơ quan

quản lý này đã tuyển mộ, huấn luyện và cử điệp viên đi khắp nơi thu thập tin tức mang về khai thác. Nhiều "sinh viên", "khách du lịch" và "gián điệp khoa học, kỹ thuật" bị bắt quả tang khi đang thu thập và chụp lén tài liệu kỹ thuật cao cấp của các công ty kỹ thuật nhạy bén nhất thế giới.

Nhưng trước một khối hơn một tỷ người, với những phương tiện kỹ thuật phức tạp, Bắc Kinh không thể kiểm soát tất cả và đã chấp nhận một qui chế bất thành văn : nói lỏng tự do thông tin... nhưng mọi người phải tự kiềm chế, không đăng những tin tức bất lợi cho đảng và nhà nước. Về mặt này, các chính quyền trung ương và địa phương không gặp nhiều vấn đề đối với những đài truyền hình, truyền thanh, báo và tạp chí quốc doanh, vì ban quản lý là người của chế độ. Lo âu chính của Bắc Kinh là sự gia tăng của số điện thoại cầm tay (hơn 500 triệu người sử dụng), số người sử dụng internet (360 triệu người năm 2011), sử dụng blog (70 triệu) và lập trang web riêng (hơn 1,5 triệu).

Trước sự "bất lực" của chính quyền trong việc kiểm soát thông tin, số "báo đô thị", xuất hiện ngày càng nhiều trong các đô thị sầm uất. Phần lớn những người đứng đầu các tờ báo tư nhân đều có quan hệ thân thiết với các cấp chính quyền... để được che chở khi lâm nguy. Báo đô thị không tuyên truyền miễn phí các chính sách của đảng và nhà nước. Các loại báo này chỉ đăng những thông tin hấp dẫn độc giả như xe hơi, xe gắn máy, khoa học, sức khỏe, thời trang, tuổi trẻ, sắc đẹp, tình dục, trồng cây cảnh, trồng hoa, tử vi, phim ảnh, giải trí... Hiện nay số người mua và đọc báo đô thị nhiều hơn báo do đảng và nhà nước phát hành. Nguồn tài chánh để điều hành các loại báo này phần lớn do số bán và quảng cáo mang lại, do đó nội dung phải rất là thương mại và rất đa dạng.

Các đài truyền thanh và truyền hình cũng thế, càng ngày càng có khuynh hướng như báo đô thị. Để lôi cuốn và thu hút khán thính giả, các chương trình truyền thanh và truyền hình quốc doanh này mang nặng tính thương mại hơn là tuyên truyền. Sự kiện này đang làm điên đảo các cấp lãnh đạo đảng và nhà nước, vì mục tiêu ban đầu của các đài này là tuyên truyền có lợi cho đảng và nhà nước không còn được nhắc tới. Mặc dù chính quyền cố gắng gia tăng ngân sách, ban quản lý các phương tiện truyền thông này không đủ trình độ kiến thức và kỹ thuật để bắt kịp đà tiến hóa nhanh chóng của kỹ thuật truyền thông trên thế giới.

Để che giấu sự bất lực của mình, Bắc Kinh chấp nhận đa dạng hóa truyền thông nhưng thỉnh thoảng cũng phải xử lý một vài vụ vi phạm "qui chế thông tin tuyên truyền" để răn đe và cảnh báo những ai cố tình vi phạm. Trong thực tế, chỉ những ai đụng chạm đến uy tín và quyền lợi của những "lãnh chúa địa phương" mới bị trừng phạt, như tờ Nam Phương nhật báo loan tin những người bị chết vì dịch bệnh cúm ác tính đường hô hấp (SARS) ở tỉnh Quảng Đông làm du khách phương Tây không dám đến viếng thăm, tờ báo bị chính quyền địa phương đình chỉ phát hành.

Thực tế hiện nay Bắc Kinh đang mất độc quyền thông tin, vấn đề còn lại của đảng và nhà nước cộng sản Trung Quốc là làm sao được tồn tại để tiếp tục cầm quyền, xã hội dân sự muốn biến đổi ra sao mặc kệ.

**Nguyễn Minh (Tokyo)**

## Tham vọng bành trướng sẽ đưa Trung Quốc về đâu ?

*Nguyễn Văn Huy*

Những động vọng gần đây của Bắc Triều Tiên trong việc thử nghiệm bom nguyên tử ngấm dưới lòng đất và phóng nhiều hỏa tiễn tầm xa khiêu khích dư luận thế giới cho thấy có bàn tay tác động của Trung Quốc. Bắc Kinh rất muốn biết phản ứng của Hoa Kỳ đối với khu vực Đông Á khi có bất ổn.

Từ một vài năm trở lại đây, Bắc Kinh không còn che giấu tham vọng bành trướng ra thế giới, đặc biệt là trên biển cả. Từ một lực lượng canh phòng duyên hải, hải quân Trung Quốc đang được trang bị những tàu chiến hiện đại để trở thành một lực lượng viễn dương có khả năng tiến ra các vùng biển sâu cạnh tranh sức mạnh với bất cứ cường quốc hải quân nào.

Để bắt kịp sự chậm trễ của mình trên Biển Đông, Trung Quốc sẵn sàng sử dụng vũ lực để chiếm đoạt những hải đảo nằm trên những tuyến đường chiến lược hay có trữ lượng khoáng sản cao của những quốc gia yếu kém hơn : năm 1974 chiếm quần đảo Hoàng Sa, từ 1988 đến 1995 chiếm nhiều mỏm đá và bãi san hô của Việt Nam và Philippines trong quần đảo Trường Sa. Gần đây, Trung Quốc còn muốn chiếm đảo Senkaku (Diaoyutai) của Nhật nằm giữa làn ranh phân chia hải phận. Bản đồ lãnh hải của Trung Quốc đang được vẽ lại với một chiều rộng lan tới vùng biển Đông Nam Á, cách lục địa Trung Quốc hơn ba ngàn cây số chim bay về phía nam.

Tham vọng bành trướng này không dừng ở đó, ban lãnh đạo đảng cộng sản Trung Quốc còn muốn tranh giành quyền bá chủ trên các đại dương. Bắc Kinh đã không ngần ngại dành cho hải và không quân một ngân sách khổng lồ để trang bị các phương tiện tác chiến hiện đại. Để có thể hiện diện tại khắp nơi, Bắc Kinh đang ráo riết xây dựng ba hạm đội Bắc Hải, Đông Hải và Nam Hải trong một thời gian kỷ lục, với ba hàng không mẫu hạm cỡ nhỏ, đủ khả năng di chuyển xa trên Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương. Bắc Kinh đang thương lượng với các chính quyền Indonesia, Miến Điện và Pakistan để xây dựng những trạm radar và căn cứ hải quân tiếp tế các loại tàu thuyền của họ qua lại trong vùng.

Mặc dù không bị một đe dọa nào, Bắc Kinh cũng đang gấp rút tăng cường khả năng tác chiến trên biển cả. Để thay thế các loại tàu ngầm cấp Hạ (Xia) còn tốt, ban lãnh đạo quân sự Trung Quốc đã đưa vào hoạt động các loại tàu ngầm cấp Tấn (Yin) tối tân hơn, và để thay thế tàu ngầm tấn công cấp Hán (Han), họ đang gấp rút đóng loại tàu ngầm bản phi đạn liên lục địa cấp Thương (Shang). Chỉ riêng loại tàu ngầm cấp Thương, Bắc Kinh dự trù sản xuất từ 2010 đến 2015 khoảng 50 chiếc, nâng tổng số tàu ngầm tấn công trên 100 chiếc. Nhiều quân cảng tàu ngầm được xây dựng tại Bắc Hải (Thanh Đảo), Đông Hải (Thượng Hải) và Nam Hải (Hải Nam).

Cố gắng bành trướng ra biển cả này, theo những tuyên bố từ Bắc Kinh, là để bảo vệ những đường tiếp tế chiến lược về năng lượng và hàng hóa xuất nhập khẩu của Trung Quốc. Tại sao phải bảo vệ bằng quân sự ? Nhật Bản, Nam Hàn và Đài Loan là những cường quốc kinh tế, cũng rất cần năng lượng và xuất nhập khẩu hàng hóa nhưng không quốc gia nào

muốn làm bá chủ những đường tiếp liệu chiến lược này. Thêm vào đó không một quốc gia nào có hành vi xâm chiếm lãnh hải và hải đảo của những quốc gia khác, trừ Trung Quốc.

Tham vọng bành trướng ra biển cả của Trung Quốc hiện nay có nhiều trùng hợp với những động vọng của quân phiệt Nhật trong thập niên 1930 : muốn đọ sức với Hoa Kỳ để giành quyền bá chủ trên các đại dương. Dù khả năng hay là chuyện khác, niềm tự hào dân tộc của Trung Quốc quá lớn để có thể có một thái độ khiêm nhường về khả năng của chính mình. Trước kia, chế độ quân phiệt Nhật có thực lực về quân sự, kỹ thuật và tài chánh, họ không vay mượn của ai. Trong khi hiện nay, Bắc Kinh phải mua gần như tất cả những bằng sáng chế vũ khí hiện đại thế hệ n-1 của Nga, nghĩa là lúc nào cũng thua Nga một bước. Để che lấp sự yếu kém này, Bắc Kinh gia tăng một cách không bình thường số lượng tàu ngầm tấn công. Để làm gì ? Vấn đề là tất cả mọi di chuyển của những tàu ngầm này đều bị hải quân Hoa Kỳ và Nhật Bản phát giác và hồ hoán ; một cách gián tiếp chúng có thể bị tiêu diệt bất cứ lúc nào. Do đó, nếu tham vọng bành trướng này cứ tiếp tục, Trung Quốc sẽ kiệt quệ và sụp đổ như Liên Xô vì không thể đua tài trên một sân chơi mà mình không có khả năng sáng tạo và nguồn hỗ trợ tài chánh lâu dài. Đừng quên sự phát triển của Trung Quốc hoàn toàn lệ thuộc vào xuất khẩu.

Ngược lại, sức mạnh của Hoa Kỳ và các quốc gia dân chủ phương Tây không dựa vào vũ khí mà trên ý kiến và sáng kiến, đây là nguồn tài nguyên bất tận chỉ những xã hội thật sự dân chủ mới có. Nhờ có tự do, các xã hội dân sự không bị sơ cứng, lúc nào cũng sẵn sàng phát huy sáng kiến mới để tạo ra của cải và tiền bạc. Qua nguồn thuế thu được từ các xã hội này, các chính quyền phương Tây có điều kiện để giữ vững về lâu về dài sức mạnh và sự giàu có của mình. Trong các chế độ độc tài, xã hội dân sự bị bóp nghẹt, chính quyền chỉ có thể trông cậy vào chính họ để áp đặt những biện pháp truy thu tài chánh, nhưng khả năng không thể kéo dài.

Ước muốn canh tân lực lượng hải quân của Trung Quốc cũng khuyến khích một phong trào chạy đua vũ trang qui mô tại Đông Á và Đông Nam Á. Ngân sách quốc phòng của các quốc gia trong khu vực tăng cao một cách không bình thường. Nhật Bản, Nam Hàn và Đài Loan đang thay thế toàn bộ máy bay và tàu chiến thế hệ 1990 bằng thế hệ 2000, như các loại máy bay F-2, F-22, F-35 của Mỹ, tàu ngầm không tiếng động và tàu chiến loại tàng hình. Singapore, Indonesia, Philippines, Malaysia, Thái Lan cũng đang tân trang lại kho vũ khí. Riêng Việt Nam còn được Hoa Kỳ và Nhật Bản đề nghị giúp đỡ quốc phòng một cách đặc biệt, nếu biết khai thác.

Những phở trương quân sự của Trung Quốc gần đây chỉ hù dọa được những chính quyền độc tài không có hậu thuẫn quốc tế. Những hành động gây hấn trên Biển Đông nhằm uy hiếp các tàu thuyền dân sự của Hoa Kỳ và các quốc gia Đông Nam Á khác chỉ tăng cường quyết tâm bao vây Trung Quốc của Hoa Kỳ thêm cứng rắn.

## Những người trồng cây

*Phạm Việt Vinh*

Cách đây đúng 20 năm, bức tường Berlin sụp đổ kèm theo sự tan biến của chính thể cộng sản Cộng hòa Dân chủ (CHDC) Đức, và tiếp theo là sự phá sản của hệ thống xã hội chủ nghĩa toàn cầu. Sự kiện to lớn này đã và đang được nhiều người Việt Nam lý giải rất khác nhau. Có ý kiến cho rằng bức tường Berlin vỡ là do các hoạt động chống phá của thế lực thù địch Phương Tây, đặc biệt là của Cộng hòa Liên bang (CHLB) Đức. Lại có ý kiến kết luận bức tường sụp là kết quả của nhiều yếu tố bất ngờ, trong đó có sự ra đi đột ngột của dân chúng Đông Đức qua các ngã biên giới Tiệp Khắc, Hungary, có quyết định «phản bội» của ban lãnh đạo Đảng cộng sản Liên Xô do Gorbachev cầm đầu kết hợp với sự "đầu hàng nhanh chóng" của ban lãnh đạo Đảng Xã hội chủ nghĩa thống nhất Đức (SED), tức là Đảng cộng sản cầm quyền tại Đông Đức. Nhiều nghiên cứu tổng kết cuộc nổi dậy chỉ bắt đầu từ các cuộc cầu nguyện, tuần hành biểu tình trong năm 1989.

Cho tới nay, những nhận định trên đều soi xét các sự kiện lịch sử dưới một lăng kính nhất định, nhưng hoặc là vô tình, hoặc là cố ý, người ta đã không chú ý nhiều tới vai trò của các nhân vật đối kháng và các tổ chức đối lập tại CHDC Đức trước đây đối với sự tiêu vong của chế độ. Thậm chí, nhiều người đã có cảm giác là trong chế độ này đã không hề tồn tại một phong trào đối lập. Có một cái gì đó không ổn khi mỗi lần kỷ niệm ngày thống nhất nước Đức, người ta hầu như chỉ ca ngợi các đoàn tuần hành vào mỗi sáng thứ Hai, các buổi biểu tình hàng trăm ngàn người khi thời cơ đã tới, và vinh danh Gorbachev khi ông ta đã không ra lệnh cho xe tăng Hồng quân lăn xả vào đám đông trên. Sẽ là bất công khi không đặt ra câu hỏi: Ai là người đã vượt qua tù ngục, đọa đầy để khơi dậy lên và tổ chức ra phong trào quần chúng đó? Sẽ là không đầy đủ khi không nhìn kỹ để nhận diện ra những viên than hồng đã âm ỉ hàng chục năm trời trước khi cuộc cách mạng hoà bình cách đây 20 năm bùng phát. Một vài dữ kiện theo trình tự thời gian sau đây có thể sẽ góp phần cho một sự nhìn nhận trọn vẹn hơn trong người Việt.

Khi xem xét phong trào phản kháng tại các nước cộng sản Châu Âu trước đây hình như người ta chỉ quan tâm đến cuộc nổi dậy tại Hungary vào năm 1956, "Mùa xuân Praha" tại Tiệp Khắc vào năm 1968 và sự xuất hiện của Công đoàn Đoàn kết tại Ba Lan vào 1980. Ít người biết đến phong trào năm 1953 tại CHDC Đức. Bắt đầu từ các buổi hội họp, đình công ở một vài xí nghiệp tại Đông Berlin khi chính quyền quyết định gia tăng định mức lao động, chỉ trong một thời gian ngắn, phong trào đã lan tỏa ra nhiều nơi trên Đông Đức với các cuộc biểu tình, đình công đòi hỏi dân chủ và chống lại sự lãnh đạo độc quyền của đảng cộng sản. Vượt qua yêu sách kinh tế, những cuộc biểu tình rầm rộ với nội dung chính trị trước các cơ quan

chính quyền đã buộc toàn bộ ban lãnh đạo đảng SED phải lui trốn vào trại lính của quân đội Liên Xô và yêu cầu Liên Xô cấp cứu. Cuộc nổi dậy đã bị lực lượng an ninh Đông Đức kết hợp với xe tăng Liên Xô đè bẹp, nhưng nó là một dấu tích đối kháng hầu như sớm nhất trong một quốc gia cộng sản.

Từ đó cho đến đầu những năm 70 của thế kỷ trước, chế độ CHDC Đức khá ổn vững với bộ máy An ninh Quốc gia Stasi khét tiếng và với sự trợ giúp hào phóng của Liên Xô cho "Tiền đồn phía tây" của hệ thống Xã hội chủ nghĩa toàn cầu. Đồng thời, do hoàn cảnh lịch sử và địa lý, sau cuộc chia cắt Đông-Tây, một bộ phận lớn thuộc thành phần hoặc là chống cộng, hoặc là yêu tự do, đã rời bỏ Đông Đức để sang sinh sống tại CHLB Đức và Tây Berlin. Hầu hết những người yêu dân chủ, tự do còn ở lại Đông Đức đều đã nuôi hy vọng vào chuyển biến tốt đẹp của một xã hội cộng sản. Đó có thể là những lý do quan trọng cho sự im ắng của tiếng nói đối lập tại CHDC Đức từ cuối năm 1953 cho đến đầu những năm 70. Nhưng, sau gần 20 năm, sự ngột ngạt của một thể chế xã hội chủ nghĩa hiện thực đã ngày càng lộ rõ. Niềm hy vọng vào chủ nghĩa cộng sản cũng như sự mong chờ vào khả năng tiến bộ của hệ thống độc đảng ngày càng phai nhạt. Tiếng nói đối lập lại vùng dậy từ những ai mong muốn xã hội



phát triển. Và ngay lập tức, họ đã phải đối đầu với một bộ máy đàn áp không khoan nhượng.

Giữa những năm 70, khoa học gia Robert Havemann và nhạc sĩ Wolf Biermann công khai phê phán nhà nước cộng sản và đòi dân chủ hóa xã hội. Câu trả lời của chính quyền là Robert Havemann bị mất chức giáo sư và bị quản chế, Wolf Biermann bị cấm công diễn và bị tước quốc tịch vào năm 1976.

Mục sư Brüsewitz đã nhiều lần lên án chính quyền cộng sản cấm đoán tự do tín ngưỡng, thủ tiêu tự do ngôn luận. Để biểu hiện sự phẫn uất của mình, tháng 8 năm 1976, ông đã tự thiêu tại sân chợ thành phố Zeitz.

Năm 1977, nam sinh viên Roland Jahn bị đuổi khỏi trường Đại học Jena do phát biểu phản đối việc tước quốc tịch đối với nhạc sĩ Wolf Biermann. Sau khi bị đuổi học, người sinh viên này vẫn không ngừng tố cáo xã hội mất tự do tại CHDC Đức. Năm 1982, anh bị bắt giam. Năm 1983, anh bị tước quốc tịch và bị tống xuất sang Tây Berlin. Tại Tây Berlin, Roland làm biên tập viên cho "Đài phát thanh Tự do Berlin" và tạo dựng ra một mạng lưới trợ giúp cho phong trào đối lập tại CHDC Đức.

Cũng vào năm 1977, một cán bộ đảng SED, nhà triết học Rudolf Bahro cho ra mắt tạp chí Tăm gương của CHLB Đức tác phẩm Phê phán Chủ nghĩa xã hội hiện thực. Do vậy, năm 1978, ông bị bắt và bị tuyên án 8 năm tù. Một năm sau, nhờ



áp lực quốc tế, ông được ra khỏi tù nhưng bị tống xuất ngay sang Tây Đức.

Cuối những năm 70, nhiều nhóm đối lập xuất hiện tại CHDC Đức. Khẩu hiệu của họ là : chống chạy đua vũ trang, chống quân sự hóa xã hội, chống huỷ hoại môi trường, chống sự xuống cấp của các cơ sở hạ tầng... Những nhóm này hoạt động không được sự chấp thuận của chính quyền. Thành viên của họ bị thiệt thòi trong xã hội, bị cấm hành nghề, bị truy lùng, bắt bớ, khám nhà. Mặc dù bị đàn áp như vậy, nhưng ngày càng có nhiều người gia nhập các nhóm này. Cho đến đầu những năm 80, số lượng các nhóm đối lập tiếp tục gia tăng.

Năm 1981, mục sư Wonneberger thành lập "Sáng kiến giúp đỡ những người chống quân dịch" tư vấn và ủng hộ những thanh niên từ chối tham gia nghĩa vụ quân sự. Từ năm 1986, ông thường xuyên tổ chức những buổi cầu nguyện cho hoà bình trong nhà thờ Nikolai tại Leipzig, nguồn gốc của các buổi tuần hành Thứ Hai nổi tiếng sau này.

Tháng 12 năm 1981, nhà đối kháng Robert Havemann cùng mục sư Eppenmann viết và công bố "Lời kêu gọi Berlin" đòi gìn giữ hoà bình và phản đối chính sách nghĩa vụ quân sự. Mặc cho các hoạt động cản phá và đe dọa của lực lượng an ninh CHDC Đức, hơn 2000 người đã ký tên ủng hộ "Lời kêu gọi".

Ngày 1-9-1983, thành viên nhóm "Sáng kiến hòa bình" đứng trên hè phố Berlin tạo ra một chuỗi người từ sứ quán Liên Xô tới sứ quán Mỹ đòi các siêu cường phải gìn giữ hoà bình. Công an Đông Đức đã dùng vũ lực giải tán chuỗi người này và bắt giam các thành viên của nhóm.

Đầu năm 1980, "Nhóm Dresden" được hình thành. Thành viên của nhóm thường xuyên tổ chức các buổi hội họp tại nhà riêng để phân tích, phê phán các tệ nạn tại CHDC Đức, đặc biệt là trong hệ thống giáo dục và đào tạo.

Đối với đảng cộng sản SED, văn nghệ sĩ luôn phải là những thành tố phục vụ thể chế. Để vượt thoát khỏi sự ép buộc của chính quyền, cũng từ đầu năm 1980, nhiều văn nghệ sĩ đã tự ý tổ chức các buổi công diễn tại nhà thờ, sân sau của chung cư hay tại nhà riêng mà không cần sự cho phép của nhà nước. Những buổi công diễn này ngày càng có nhiều khán giả. Trong các buổi biểu diễn, nói chuyện, nhiều văn nghệ sĩ đã công khai phê phán chế độ. Một số đông từ số các văn nghệ sĩ này đã bắt tay hợp tác với các nhóm đối lập. Nhiều người đã bị bắt và tống xuất do đã tham gia các buổi trình diễn trên. Nữ nhạc sĩ Wegner là một nghệ sĩ tích cực tham gia các buổi công diễn. Bà là người cương quyết chống lại việc chính quyền cộng sản muốn điều chỉnh nội dung các bài hát của bà. Sau một thời gian bị cấm công diễn, năm 1983, bà bị bắt phải rời khỏi CHDC Đức. Cơ quan an ninh Đông Đức triệt để cấm đoán các tác phẩm, bài viết của các văn nghệ sĩ có dấu ốc phê phán, và truy nã gắt gao những ai truyền bá, tìm đọc các tác phẩm và bài viết đó. Mặc dù vậy, các tác phẩm và

bài viết này vẫn không ngừng được chép tay, được đem đọc và phân tích cho bạn bè và công chúng.

Trong những năm 80, hầu như tại khắp các nơi trên CHDC Đức đều xuất hiện các nhóm đối lập. Các nhóm này tìm cách qua mặt bộ máy an ninh để tổ chức hội họp và in ấn sách báo chui. Họ cũng tận dụng mọi khả năng để liên hệ với các tổ chức đối lập của người Đông Đức đang hoạt động tại Tây Berlin và Tây Đức. Năm 1986, nhóm "Sáng kiến Hòa bình và Nhân quyền" được thành lập tại Đông Berlin với sự truyền bá các thông tin về vi phạm nhân quyền cùng với các đòi hỏi những quyền tự do căn bản và đòi dân chủ hóa xã hội. Đây là một trong những tổ chức đối lập quan trọng nhất tại CHDC Đức.

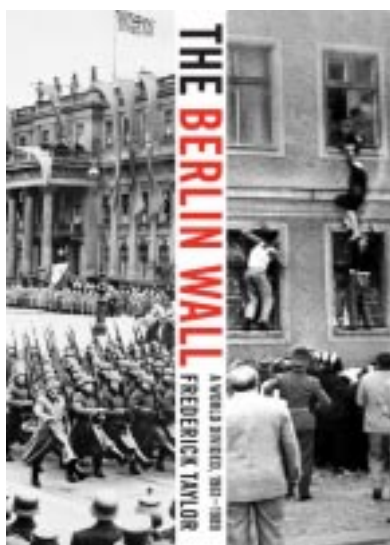
Cũng vào năm 1986, "Thư viện Môi trường" được hình thành tại Đông Berlin. "Thư viện" này là nơi người ta có thể tự do trao đổi thông tin, đọc các ấn phẩm bị cấm đoán và

tiếp xúc với các văn nghệ sĩ có tư tưởng phê phán. Sau một thời gian ngắn, các "Thư viện" tương tự như vậy cũng xuất hiện tại nhiều nơi và dần dần trở thành các trung tâm trao đổi thông tin. Với sự trợ giúp của các nhà báo Tây Đức và các nhà đối kháng Đông Đức đã bị tống xuất, từ các trung tâm thông tin này xuất hiện các tờ báo đối lập với số lượng nhỏ đăng tải các ấn phẩm đã bị chính thể CHDC Đức cấm đoán. Từ tháng 9 năm 1986, "Thư viện môi trường" hoạt động mạnh tại nhà thờ Zionkirch ở Đông Berlin. Tại đây, tác phẩm của các văn nghệ sĩ đối kháng được trưng bày trong một căn phòng lớn. Ở các phòng khác, người ta tổ chức chiếu phim, hoà nhạc và hội thảo. Các hoạt động tương tự như trên cũng

được tổ chức tại nhiều nơi tại khắp Đông Đức. Sau này, nhiều sử gia Đức gọi những trung tâm thông tin như vậy là "Nơi học tập dân chủ". Đương nhiên, những địa điểm và hoạt động trên bị cơ quan an ninh truy lùng, canh gác và cản phá gắt gao. Mặc dù vậy, các trung tâm này vẫn không ngừng hoạt động. Kể từ khi thành lập, thành viên của "Thư viện Môi trường" gặp nhau đều đặn vào thứ ba hàng tuần. Lượng phát hành tờ Báo môi trường của nhóm "Thư viện Môi trường" ngày càng tăng: nếu như trong năm 1986, số lượng in là 150 tờ mỗi tháng, thì vào tháng 9 năm 1989, số lượng xuất bản là 4000 tờ. Mùa thu năm 1989, máy in của nhóm làm việc 24 giờ mỗi ngày thông báo sự ra đời và tuyên ngôn của tất cả các đảng phái đối lập và phong trào quần chúng.

Từ năm 1986, số lượng các nhóm đối lập tăng nhanh. Nhiều nhóm liên kết và phối hợp hành động liên vùng tạo thành các mạng lưới. Cho đến đầu năm 1989, tại Đông Đức đã có hơn 10 mạng lưới như vậy kết hợp hàng trăm các nhóm đối lập khác nhau. Ngoài việc trao đổi thông tin và phối hợp hành động, sự liên kết này đặc biệt có hiệu quả khi tạo ra các hoạt động đoàn kết mỗi khi có thành viên của một nhóm nào bị cơ quan an ninh bắt giữ.

Năm 1987, sau khi Chủ tịch nhà nước CHDC Đức Erich Honecker được thủ tướng CHLB Đức Helmut Kohl đón tiếp tại



Bonn, chính quyền Đông Đức cho rằng đây là lúc thuận tiện để họ gia tăng đàn áp đối lập. Cơ quan An ninh Quốc gia đã mở cuộc truy lùng và bắt giữ hàng loạt các nhân vật đối lập. Nhưng ngay lập tức, tại các thành phố lớn đã nổ ra các cuộc biểu tình đòi thả tự do cho các nhà đối lập, và cuối cùng, chính quyền đã phải tạm thời nhượng bộ.

Đêm 25.11.1987, an ninh CHDC Đức bao vây, khám xét và tịch thu các vật dụng của "Thư viện Môi trường" tại khu nhà thờ Zionkirch. Trong đêm, các thành viên của nhóm "Thư viện" cũng bị bắt giữ. Ngay ngày hôm sau, tất cả các mạng lưới đối lập đã đăng tải thư phản đối. Nhiều nơi tại CHDC Đức xuất hiện các hoạt động đoàn kết với những người bị bắt. Trước cửa nhà thờ Zionkirch, các nhà đối lập không bị bắt đã đứng sát nhau tạo thành một "Trạm cảnh báo" trong một thời gian dài. Dưới sức ép dư luận mạnh mẽ, bộ máy an ninh đã phải thả những người bị bắt, đánh dấu một thất bại nặng nề nhất của chính quyền cộng sản Đông Đức đối với phong trào đối lập.

Ngày 17-1-1988, một cuộc biểu tình vinh danh Rosa Luxemburg và Karl Liebknecht - hai lãnh tụ của phong trào cộng sản Đức hồi đầu thế kỷ 20, được tổ chức tại Đông Berlin. Các nhà đối lập đã tập hợp đi cùng nhau và giương cao biểu ngữ: "Tự do cho những người khác chính kiến!" Khẩu hiệu này được trích từ tuyên bố của Rosa Luxemburg; "Tự do luôn luôn có nghĩa là tự do cho những người khác chính kiến". Lực lượng an ninh Đông Đức đã xông vào giải tán đoàn người này và bắt đi hàng trăm người. Tiếp theo, chính quyền đã mở một đợt đàn áp mới, bắt giam nhiều nhân vật lãnh đạo phong trào đối lập. Hàng loạt các buổi hoạt động đoàn kết, các "Trạm cảnh báo" do các nhóm đối lập tổ chức sau đó đã vấp phải một thái độ cứng rắn của chính quyền. Các nhân vật đối lập quan trọng phải lựa chọn giữa hai khả năng: hoặc là ngồi tù tới 12 năm, hoặc là phải rời khỏi Đông Đức! Nhiều người trong họ đã sang lánh nạn tại CHLB Đức và để lại cho phong trào đối lập tại CHDC Đức một mất mát nặng nề. Trong số những người này có nữ văn sĩ Bohley và ông Fischer, hai thành viên quan trọng của phong trào "Sáng kiến vì Hòa bình và Nhân quyền". Ngay sau khi bị bắt buộc phải sang CHLB Đức, hai người này đã tuyên bố nguyện vọng sớm được quay trở về Đông Đức để góp phần làm đổi thay chế độ.

Năm 1988, các mâu thuẫn tại CHDC Đức gia tăng. Ngày càng có nhiều người đòi được quyền rời khỏi Đông Đức. Trong khi đó, những nhà đối lập vẫn nỗ lực đòi cải thiện tình trạng nhân quyền, đòi được thực thi các quyền tự do chính trị như tự do hội họp, tự thành lập hội đoàn, đảng phái. Ngày 10.10.1988, tại Đông Berlin nổ ra cuộc biểu tình đòi bãi bỏ chế độ kiểm duyệt báo chí. Cũng tại đây, ngày 24-11, các nhà đối lập biểu tình phản đối việc chính quyền cấm lưu hành tạp chí Sputnik, một cơ quan ngôn luận của Liên Xô đăng tải những thông tin về chính sách cải tổ của Gorbachev.

Từ mùa hè 1989, làn sóng dân chúng rời bỏ đất nước làm

rung chuyển toàn bộ CHDC Đức. Nhiều người dân Đông Đức vượt thoát khỏi cơn mê hàng chục năm trời. Qua tác nhân là các nhóm đối lập, những người cùng tư tưởng đã tìm đến và liên kết với nhau. Các tổ chức và đảng phái chính trị được hình thành.

Cuối hè 1989, một đảng và một số tổ chức chính trị mới công khai ra mắt với các đòi hỏi tự do hội họp, tự do báo chí và tự do tư tưởng. Đầu tháng chín 1989, phong trào Diễn đàn Mới (Neues Forum) được hình thành. Tiếp theo đó là sự ra mắt của đảng Dân chủ xã hội CHDC Đức (SPD-DDR) và các phong trào quần chúng như Dân chủ Ngay bây giờ (Demokratie Jetzt), Dân chủ Trỗi dậy (Demokratie Aufbruch). Yêu sách của các đảng phái và tổ chức này là đảng cộng sản cầm quyền SED phải cải tổ triệt để và ngay lập tức phải đối thoại với nhân dân. Câu trả lời là SED vẫn khư khư đòi giữ quyền lãnh đạo; chính quyền tuyên bố việc hình thành các tổ chức và đảng phái trên là bất hợp pháp và huy động lực lượng Stasi tìm mọi cách dập tắt phong trào đối lập đang bùng phát. Mặc cho sự đe dọa, đàn áp, hàng ngàn người dân đã đăng ký gia nhập các đảng phái và phong trào mới.

Hơn một năm sau khi bị đuổi sang CHLB Đức, nữ văn sĩ Bohley trở về Đông Berlin, và ngày 9-9-1989, bà đã cùng bạn bè tuyên bố thành



lập phong trào Diễn đàn Mới. Ngày 19 tháng chín 1989, Diễn đàn Mới gửi đơn cho Bộ Nội vụ CHDC Đức xin được hoạt động như một "Tập hợp chính trị". Ba ngày sau đó, nhật báo Thế giới trẻ (Junge Welt), cơ quan ngôn luận của Đoàn Thanh niên tự do Đức (FDJ) công bố trả lời của Bộ Nội vụ coi Diễn đàn Mới là một "diễn đàn chống phá nhà nước" và cấm tổ chức này hoạt động. Mặc dù như vậy, lời kêu gọi thành lập của Diễn đàn Mới đã được đông đảo dân chúng hưởng ứng. Tại tất cả các tỉnh trên CHDC Đức đã có thành viên và địa chỉ liên hệ của phong trào. Đến cuối tháng 10 năm 1989, Diễn đàn Mới đã nhận được 150 000 chữ ký ủng hộ với đầy đủ tên họ và địa chỉ. Khắp nơi trên Đông Đức nổ ra các cuộc biểu tình rầm rộ với biểu ngữ "Diễn đàn Mới!".

Ngày 3-10-1989, chính quyền CHDC Đức đóng cửa biên giới sang Tiệp Khắc để ngăn dòng người vượt biên.

Ngày 7-10-1989, nhân ngày Quốc khánh CHDC Đức, khắp nơi nổ ra các cuộc biểu tình với các biểu ngữ trương tên các đảng phái và tổ chức đối lập. Nhiều biểu ngữ lớn đòi:

"Tự do bầu cử"

"Tự do báo chí"

"Tự do đi lại"

"Đa nguyên"

Cảnh sát và an ninh quốc gia đã sử dụng một lực lượng khổng lồ dùng vũ lực để đàn áp.

Sau ngày 7-10-1989, thấy rằng bạo lực chỉ làm tăng sự chống đối của quần chúng, ban lãnh đạo đảng cộng sản SED thay đổi sách lược, tuyên bố sẵn sàng đối thoại với nhân dân. Nhưng làn sóng biểu tình vẫn không dứt. Sự thay đổi ban lãnh

đạo của đảng SED sau đó cũng không gây ảnh hưởng tới sức mạnh của phong trào phản kháng.

Ngày 12-10-1989, Diễn đàn Mới rải truyền đơn khắp nơi trên CHDC Đức với nội dung :

"Đối thoại thực sự phải là :

1. Cho phép hoạt động đối với Diễn đàn Mới và tất cả các tổ chức, đảng phái và phong trào quần chúng phấn đấu cho nền dân chủ của xã hội

2. Cho các tổ chức đối lập được tiếp cận với giới truyền thông

3. Tự do báo chí và bãi bỏ kiểm duyệt

4. Tự do hội họp và biểu tình".

Ngày 4-11-1989, quảng trường Alexanderplatz Đông Berlin chứng kiến cuộc biểu tình lớn nhất trong lịch sử CHDC Đức của hàng trăm ngàn người với yêu sách đòi dân chủ và phê bỏ chế độ độc đảng.

Ngày 7-11-1989, chính phủ CHDC Đức từ nhiệm và trao cho ông Modrow, một nhà lãnh đạo cộng sản ôn hoà, thành lập chính phủ mới.

Đêm 9-11-1989, Günter Schabowski - ủy viên Bộ chính trị đảng cộng sản SED, tuyên bố người dân được tự do qua lại bức tường Berlin. Tấm màn thép chia cắt Đông Đức và Tây Đức hoàn toàn sụp đổ.

Mặc dù vậy, những ngày sau đó chính quyền của ban lãnh đạo đảng cộng sản vẫn tìm cách níu kéo quyền lực, vẫn liên tục đưa ra những hứa hẹn nhằm duy trì một chế độ thực chất đã cáo chung. Nhưng nước đã tràn bờ, đê đã vỡ. Đầu tháng 12-1989, ban lãnh đạo SED phải chấp nhận đòi hỏi của phong trào đối lập, tham gia Hội nghị Bàn tròn cùng với các đảng phái và tổ chức đối lập chuẩn bị cho cuộc bầu cử tự do đầu tiên tại CHDC Đức với sự thắng lợi rực rỡ của các đảng phái đối lập.

Đương nhiên là hàng triệu người dân Đông Đức đã làm nên cuộc cách mạng quần chúng hoà bình cách đây 20 năm. Nhưng người ta cũng có lý khi cho rằng cuộc vùng dậy thắng lợi này được bắt đầu bằng những đóng góp từ trước đó rất lâu của hàng trăm, hàng nghìn nhân vật đối lập yêu dân chủ, tự do. Họ đã âm thầm kết hợp với nhau trong các tổ chức đối lập để tố cáo bạo tàn, đòi hỏi tự do. Họ chấp nhận bị ly gián, đàn áp, tù đầy để nuôi ánh sáng đòi tiến bộ. Điều dễ thấy là những tổ chức đối lập này cũng chính là thành tố kêu gọi, tổ chức và dẫn dắt các cuộc biểu tình, tuần hành. Quần chúng Đông Đức đã trở thành một lực lượng cách mạng khi nòng cốt của phong trào là thành viên của những nhóm "Sáng kiến vì Hòa bình và Nhân quyền", "Thư viện Môi trường",... Các đoàn biểu tình đã chỉ tiến lên khi dẫn đầu họ là lãnh tụ của các nhóm đối lập như nữ văn sĩ Bohley, mục sư Eppenmann... Là những người đã hy sinh cho dân chủ, họ cũng đã là những nhân tố quyết định cho một cuộc đổi thay quốc gia trong hoà bình, không tiếng súng.

Nếu coi sự sụp đổ của bức tường Berlin cách đây 20 năm là hoa trái của khát vọng hạnh phúc, tự do, thì phải biết đến thành viên của các nhóm đối lập Đông Đức trước đây như những kẻ trồng cây. Tên tuổi của họ sẽ không bao giờ bị quên lãng.

**Phạm Việt Vinh (Berlin, 6-2009)**



Tôi đi  
Phố vắng  
Chỉ có phèng la thi đua yêu nước.  
Mưa  
Và mưa  
Sông ứ.

Lòng yêu nước mà cũng bày trò thi đua, tranh cướp  
Rồi ngậm tằm bán máu thịt tiền nhân  
Dựng kềm gai, giường súng trước nhân dân,  
Cái lũ độc quyền yêu nước !

Tôi đọc lại lời cha ông thừa trước :  
"Đối trời lừa dân đủ trăm nghìn kế  
Cây thù kết oán trải mấy mươi năm  
Bại nhân nghĩa nát cả đất trời  
Nặng thuế khoá sạch không đầm núi".

Lời người xưa vốn là lời kết tội  
Dành cho quân cướp nước tham tàn  
Thế mà nay,

Nước non ngập tiếng kêu oan  
Giang sơn chúng đem chia chác.

"Tàn hại cả giống côn trùng cây cỏ  
Nheo nhóc thay kẻ goá bụa khốn cùng  
Thằng há miệng, đứa nhe răng, máu mỡ bấy no nê  
chưa chán".

Cái thứ chúng thi đua, tranh giành, bán chác,  
Là tình yêu hay xương máu đồng bào ?

Mưa

Tôi chỉ thấy mưa

Tôi chỉ thấy mưa

Mưa sa mang màu cờ đỏ

Màu máu dân oan !

"Lẽ nào trời đất dung tha?

Ai bảo thần dân chịu được ?"

Mưa máu tràn mi, tôi gọi tên đất nước

Nhưng chỉ thấy mưa

Mưa

Và mưa

Sông ứ.

Tổ quốc ơi,

Có bao giờ nhục thế này chẳng ?

Khi gái Việt thành đồ chơi rẻ mạt,

Trai Việt xếp hàng,

Oằn lưng kiếp tôi đòi mua cái chết.

Tôi muốn thét

Tôi muốn gào

Tôi muốn lũ thi đua yêu nước

Hãy mở mắt nhìn dân nước lâm than

Chớ quay lưng

Đục khoét tiền giá máu

Để rồi con cháu đốt trong động lặc

Thật là

"Nướng dân đen trên ngọn lửa hung tàn

Vùi con đỏ xuống dưới hầm tai vạ"

Khói tiền bay lên

Hoá thành mưa

Mưa

Và mưa

Tôi chỉ thấy trời mưa

Mưa

Và mưa

Sông ứ.

Mưa sa mang màu cờ đỏ !

Hoàng Cúc

Yêu nước ?

Thơ

# Giã biệt Việt Nam!

*Ed Oshiro*

Ba mươi phút sau khi máy bay hàng không Vietnam Airlines cất cánh đưa chúng tôi rời phi trường Tân Sơn Nhất ở thành phố Sài Gòn, từ trên không trung chúng tôi nhìn ra những cánh đồng khô màu đỏ sẫm phía dưới, cả hai vợ chồng chúng tôi đều cảm thấy nhẹ nhõm hơn và tự do hơn. Chúng tôi có cảm giác như vừa thoát khỏi sự sách nhiễu, hăm dọa và bòn rút hàng ngày của giới cầm quyền Việt Nam, và chúng tôi cũng có cảm giác như vừa trút bỏ được gánh nặng trên vai của ba tháng qua.

Câu chuyện khởi đầu vào mùa thu năm ngoái khi tôi nhận một công việc điều hành hải ngoại cho tổ chức (thiện nguyện) Đông Tây Hội Ngộ, hiện đang trông coi một bệnh xá cung cấp dịch vụ y tế cho "những người nghèo nhất" và cho cô nhi viện với 125 trẻ em ở ngoại ô thành phố Đà Nẵng, Việt Nam. Nhân cơ hội này tôi xin nghỉ việc do chương trình cho về hưu sớm của công ty Group Health. Tôi nghỉ hưu vào Tháng Giêng với ý định là phục vụ tình nguyện y tế tại Việt Nam trong vòng một, hai năm, bắt đầu vào giữa Tháng Giêng.

Công tác tình nguyện của tôi là giúp cho văn phòng y tế được hoạt động đa năng, hiệu quả và hướng dẫn những chương trình giáo dục y tế công cộng cho 4 làng hẻo lánh. Vợ tôi được giao việc giảng dạy mỹ thuật - thể thao cho cô nhi viện, kèm theo việc dạy Anh ngữ cho nhân viên.

Kinh nghiệm đầu tiên chúng tôi học được về Việt Nam là khi đáp máy bay đến San Francisco lấy visa trên lộ trình bay đến Việt Nam. Vừa đến San Francisco chúng tôi được biết người cấp visa cho chúng tôi là một viên chức của bộ ngoại giao Việt Nam, ông này cho biết muốn được cấp visa thì phải thuê căn hộ của ông ta ở Đà Nẵng với giá là 700 đô la một tháng, và phải trả trước 6 tháng tiền thuê nhà. Chúng tôi không đồng ý, vị cán bộ ngoại giao này từ chối cấp visa cho chúng tôi. Do đó chúng tôi đành trở về lại Seattle để tổ chức này tiếp tục việc thương lượng. Cuối cùng, vào tháng Hai chúng tôi thỏa thuận trả trước cho ông ta 4 200 đô la, và chỉ được cấp visa 3 tháng thay vì 12 tháng. Sau đó chúng tôi bay đến Việt Nam. Khi đến căn hộ đã thuê bao ở Đà Nẵng, chúng tôi được biết là còn đang sửa chữa, chưa thể vào ở được; chúng tôi đành mượn một khách sạn gần đó với giá 45 đô la một ngày. Trước đó, khi làm thủ tục nhập cảnh vào Việt Nam, tất cả mọi đĩa CD tài liệu, chương trình điện toán của tôi đều bị cán bộ hải quan tịch thu và giam giữ trong 3 tuần, sau cùng chúng tôi phải trả 40 đô la lệ phí "giao dịch" mới đã lãnh về. Trong suốt thời gian này, cán bộ hải quan có đủ thời gian để sao chép lại các chương trình trong CD điện toán để bán ra ngoài.

Trong ngày đầu làm việc, khi nhắc điện thoại gọi về hỏi thăm con gái tôi ở Seattle, Hoa Kỳ, đang lúc trò chuyện tôi nghe rõ âm thanh nhạc (phim chuông) trong đường giây điện thoại. Khi hỏi nhân viên người Việt thì tôi được biết là mọi cuộc điện đàm của chúng tôi đều bị theo dõi và nghe lén. Người ta còn cho biết là mọi thư từ của chúng tôi đều bị chính quyền kiểm soát, do đó phải viết lách cẩn thận. Có lần công an yêu cầu chúng tôi nộp tờ báo cáo tài chính hàng tháng và công an sẽ toàn quyền quyết định gửi hay không gửi.

Sau vài ngày làm việc, cô kế toán người Việt phải về Florida để làm lễ thành hôn với một bác sĩ Mỹ là người đã phục vụ tình nguyện tại Đà Nẵng. Chúng tôi thông báo cần người thay thế, ông giám đốc y tế gửi đến cho chúng tôi toàn những người

không có kiến thức kế toán và cũng chẳng có khả năng Anh ngữ. Chúng tôi đành tự tuyển dụng một nhân viên có bằng kế toán và thông thạo Anh ngữ nhưng ông giám đốc y tế và sở công An kéo dài thời gian phê chuẩn để người này không thể làm việc. Người ta bảo cô kế toán này phải hồi lộ cho họ một khoản tiền nào đó hay thỏa thuận trích một phần tiền lương hàng tháng để chia cho họ thì mới được phép đi làm.

Qua sự kiện này chúng tôi được biết là tất cả nhân viên người Việt làm việc cho người nước ngoài đều phải trích một phần tiền lương của họ để chia cho các viên chức nhà nước mới được đi làm. Chúng tôi bị công an đến văn phòng hạch hỏi tại sao không muốn người của họ gửi đến?

Một hôm tình cờ có một vị bác sĩ Việt Nam đến nộp đơn xin việc kế toán vì anh ta không tìm được việc làm trong suốt 5 năm qua. Hình như có hàng trăm bác sĩ như anh ta bị thất nghiệp dù chỉ được một mức lương rất thấp, 30 đô la một tháng, khi hành nghề bác sĩ ở Việt Nam. Tôi vẫn không hiểu tại sao Việt Nam có nhiều bác sĩ bị thất nghiệp đến như vậy. Sau này tôi được biết là sau khi tốt nghiệp, muốn được thực tập tại một bệnh viện để có kinh nghiệm hành nghề bác sĩ trong tương lai, mỗi người phải nộp 1 500 đô la để được chấp nhận. Muốn được phép hành nghề, các bác sĩ phải thông qua chương trình thực tập này mới được chấp nhận. Tôi được biết là những người gốc miền Nam thường bị loại và bị phân biệt đối xử, nhất là những người xuất thân từ gia đình thuộc chế độ Việt Nam Cộng Hòa. Hầu hết những bác sĩ gốc miền Nam mà chúng tôi gặp đều bị thất nghiệp.

Lúc còn ở Hoa Kỳ, trong buổi họp giới thiệu chương trình, chúng tôi được cảnh báo là các bác sĩ của chương trình Làng Y Tế Hòa Bình đều biếng nhác, không biết cầu tiến, họ chỉ biết viết toa thuốc bổ vitamin mà thôi. Sau vài ngày làm việc chung với họ, tôi nhận thấy họ rất thông minh, rất hăng say học hỏi về y dược và sẵn sàng đón nhận mọi giúp đỡ để được trở thành một bác sĩ giỏi. Nhưng tiếc thay, chương trình đào tạo y khoa mà họ hấp thụ quá thấp kém và quá nhiều thiếu sót nên họ chỉ có khả năng ghi toa cấp thuốc bổ vitamin cho bất cứ bệnh gì.

Mỗi tuần các bác sĩ đi đến các làng lân cận để săn sóc y tế cho dân chúng. Tôi có đi theo họ một vài lần và thấy họ chỉ có khả năng cấp toa thuốc bổ vitamin cho các loại bệnh như: sốt rét, mù lòa, nóng sốt, sán lải, đi tiểu ra máu, tiêu chảy v.v. Thật ra những vị bác sĩ này không thể làm gì hơn vì họ hoàn toàn bất lực: không có thuốc men, ngoài trừ vài chai thuốc trụ sinh Ampicillin. Các vị bác sĩ cho biết là họ có bốn phận phải cấp toa thuốc cho bệnh nhân để mua mang về nhà; và họ chỉ có thể cấp toa thuốc bổ vitamin. Họ nói cũng có lý. Ở đây, thuốc trụ sinh có thể mua được dễ dàng không cần toa bác sĩ nên nhà nào cũng thủ sẵn vài chai thuốc trụ sinh trong nhà. Ngay cả người thông dịch viên của tôi cũng dùng thuốc trụ sinh để chữa bệnh nhức đầu, cảm cúm, tiêu chảy, đau lưng, hay lúc khó chịu trong người.

Một bác sĩ phụ sản từ San Diego được cử đến một bệnh xá để huấn luyện các bác sĩ địa phương cách sử dụng dụng cụ "mỏ vịt" để khám thai phụ nữ. Một năm sau, ông trở lại quan sát thì được biết là không ai dùng dụng cụ "mỏ vịt" để khám bệnh. Vị bác sĩ này tức giận, báo cáo lên Ban Quản Trị của Chương Trình Đông Tây Hội Ngộ tại San Francisco là các bác sĩ biếng nhác, không biết cầu tiến. Tôi gửi bài tường trình lên Ban Quản Trị yêu cầu vị bác sĩ đó trưng bằng chứng. Lý do là không ai có thể học nghề khám bệnh phụ khoa trong vài hôm thành công được và nhân viên phòng thí nghiệm chỉ có khả năng để làm vài ba thử nghiệm đơn giản. Cho dù họ có tài năng để chuẩn đúng bệnh lý thì cũng không có thuốc men hay dụng cụ y khoa để chữa trị.



Tại sao phải tìm đúng bệnh trong lúc không có phương tiện để trị liệu ? Tôi cảm thấy là một vài bác sĩ Hoa Kỳ phục vụ tình nguyện cho chương trình Làng Y tế Hòa Bình không tế nhị và gây tác hại thay vì làm việc hữu ích.

Sau khi ổn định công việc, tôi đến họp với ông giám đốc y tế và đề nghị với ông chương trình hướng dẫn y tế cộng đồng thí điểm cho 4 làng và ông ấy tỏ vẻ rất hoan nghênh. Ông ta nhận bản hồ sơ dự thảo của tôi và bảo sẽ bàn thảo với ủy ban nhân dân. Sau đó ông sẽ cho tôi biết kết quả. Hai tuần sau tôi nhận được thư trả lời là họ đã đồng ý và ông giám đốc sẽ bổ túc thêm văn kiện, họ yêu cầu tôi phải trả cho họ 20 000 đô la. Tôi trả lời là tôi không có tiền, tôi đóng góp bằng trí tuệ, thời gian, và lòng nhiệt thành phục vụ để huấn luyện các chuyên viên y tế. Nhưng họ không thiết tha gì đến công sức đóng góp của tôi - họ chỉ muốn tiền. Và họ chẳng bao giờ mời tôi đến Sở Y Tế thêm lần nào nữa.

Khi tôi đến ngôi làng đầu tiên để khởi đầu việc thực hiện y tế cộng đồng, tìm hiểu nhu cầu y tế của dân làng, tôi gặp ông chủ tịch ủy ban nhân dân và ông ta dẫn tôi đi thăm những gia đình nghèo nhất trong làng. Ông này bắt chúng tôi phải tặng cho mỗi nhà và mỗi gia đình mà chúng tôi đến thăm những gì họ cần, thí dụ như : làm lại nóc nhà, đào giếng, cất nhà, cho tiền mua gạo, quần áo, xe lăn, v.v. Tôi phải nhắc đi nhắc lại là tôi đến đây không phải để cho tiền, sau đó ông chủ tịch ủy ban nhân dân nói với người thông dịch rằng tôi hãy rút đi khỏi làng.

Ở một làng khác, các viên chức cầm quyền đòi chúng tôi phải cấp cho họ một ngân khoản lớn để xây một trường học mới. Sau khi biết tôi không có tiền để đáp ứng đòi hỏi của họ, tôi liền bị họ bắt giam và cấm không được rời trụ sở ủy ban nhân dân. Tôi bị giam giữ qua đêm tại đó. Họ bắt tôi nằm ngửa trên cái sàn gỗ dơ bẩn với cái mền rách nát. Ngoài ra họ còn cử một công an cụt tay vì trúng mìn nằm bên cạnh để canh gác tôi. Khổ cho thân tôi, người này nằm kế bên tôi suốt đêm, hẳn còn gác cánh tay cụt đó lên bụng tôi và ngủ ngon lành. Cả đêm tôi trần trọc không sao ngủ được, đầu óc cứ liên tưởng đến những việc đang xảy ra. Không ai có thể tưởng tượng là tôi phải nằm ngửa trên sàn nhà của trụ sở ủy ban nhân dân cộng sản với một tên công an nằm sát một bên, gác cánh tay cụt lên bụng tôi suốt đêm ! Đó là đêm hãi hùng và kinh dị nhất trong đời tôi. Tôi cứ ngỡ như đang sống trong một ác mộng.

Suốt thời gian ở khách sạn chúng tôi phải đi ra ngoài ăn uống. Có một quán ăn ở Đà Nẵng có thức ăn tạm an toàn cho du khách là nhà hàng Christies. Và đêm nào tôi cũng gặp toán Thủy Quân Lục Chiến Hoa Kỳ đến ăn. Họ đi công tác đến Việt Nam tìm quân nhân Hoa Kỳ mất tích (MIA/POWS). Họ nói là bất cứ làng nào cũng có mảnh khoé để gặt họ. Những ủy viên nhân dân đều nói là có 2-3 hài cốt quân nhân Hoa Kỳ chết ở ruộng trong thời gian chiến tranh. Và họ phải chi ít nhất 10 000 đô la để được phép mượn nhân công địa phương đào xới ruộng vườn. Các giới chức Hoa Kỳ cho biết là từ năm 1991 cho đến nay không tìm được hài cốt nào, và không tin là sẽ tìm ra vật gì cả. Những cán bộ Việt Nam yêu cầu những toán đi tìm hài cốt quân nhân Mỹ phải ở tại khách sạn của Quân Đội Nhân Dân với giá là 75 đô la tiền phòng cho mỗi đêm, và phải trả tiền thuê trực thăng quân đội đưa đón là 750 đô la một giờ. Có 30 quân nhân Hoa Kỳ đang làm công tác tìm hài cốt MIA's tại Đà Nẵng, những thành phố lớn khác cũng có những toán truy tìm hài cốt MIA. Hàng triệu đô la Mỹ đã đổ vào đó và giới lãnh đạo cộng sản Việt Nam cười hả hê khi bỏ tiền vào túi riêng.

Sau vài tháng làm việc, chúng tôi nhận thấy cán bộ Việt Nam để lộ thái độ là không cần chúng tôi có mặt tại Việt Nam. Cô Nhi Viện mà chúng tôi phục vụ được chính phủ Hoa Kỳ tài trợ

đổi dào, và nhân viên trường làm việc rất đặc lực. Tại nơi đây học trò được huấn nghệ ngành thợ mộc, thợ may, điện toán v.v. và có một bác sĩ làm việc toàn thời gian để săn sóc sức khoẻ cho các em. Các em được cung cấp sân chơi bóng rổ, bóng bàn, TV, máy Video, xe đạp, máy điện toán, có vườn rau, nuôi gà, nuôi heo để thu hoạch. Nhiều người Việt Nam nói là bọn trẻ này được sống sung sướng hơn những đứa trẻ Việt Nam khác.

Tôi cố gắng tăng lương cho các bác sĩ Việt Nam, còn các nhân viên khác của bệnh xá được trả lương từ 30-50 đô la một tháng. Chính quyền đòi hỏi chúng tôi phải trả lương đồng giá cho tất cả mọi người dù là bác sĩ hay người quét dọn. Tôi cũng giúp triển khai chương trình huấn luyện dài hạn cho các bác sĩ. Một bác sĩ chuyên khoa về tim của Nhật tài trợ cho chương trình tu nghiệp hằng năm, và Bệnh Viện Osaka tại Nhật sẽ nhận một bác sĩ Việt Nam của Chương Trình Y Tế Hòa Bình đến làm việc trong 6 tháng, chương trình tu nghiệp này sẽ luân phiên trong vài năm tới. Người bác sĩ Việt Nam đầu tiên đi Osaka, Nhật vào Tháng Sáu. Tôi liên lạc với một bệnh viện ở Huế yêu cầu họ nhận bác sĩ thực tập và chúng tôi sẽ trả chi phí huấn luyện. Dự án này đã nộp cho ban quản trị tổ chức Đông Tây Hội Hợp trước khi rời Việt Nam với hy vọng là sẽ được chấp nhận. Chi phí đào tạo một bác sĩ Việt Nam tốn khoảng 1600 đô la.

Sau vài tuần định cư ở Đà Nẵng, ông cán bộ ngoại vụ đòi chúng tôi đưa thêm tiền để sửa sang căn hộ và mua bàn ghế. Chúng tôi đều hiểu là một bác sĩ Việt Nam lãnh lương 30 đô la một tháng thì chi phí tiền phòng chỉ độ 10-15 đô la, do đó chúng tôi từ chối khéo. Từ đó, ông ta siết chặt gong kềm và kiểm soát chúng tôi gắt gao. Chúng tôi phải báo cáo chi tiết việc làm mỗi giờ và phải nộp báo cáo này 2 tuần trước khi bắt tay vào việc. Ông ta cũng từ chối không gia hạn thêm visa cho chúng tôi, và dọa nạt các nhân viên người Việt đang làm tại bệnh xá.

Sau 3 tháng đến Việt Nam, ông cán bộ ngoại vụ thông báo là chúng tôi có thể dọn vào căn hộ ông cho mượn. Chúng tôi dọn vào ở duy nhất chỉ được một đêm. Căn hộ ông cho thuê vẫn chưa sửa xong, giấy điện còn treo lủng lẳng trên trần nhà, tường mới sơn phết chỉ một góc, không có hệ thống ống nước, không có bàn ghế, và gián bò lổn nhổn khắp nơi. Chỉ trong vài phút, tôi dùng hết hộp thuốc diệt gián, sau đó cả đàn gián bò ra ngoằn ngoàng che lấp sàn nhà, con gián nào cũng dài 2 inches say thuốc lật ngửa nằm ngo ngoe. Ngày hôm sau, chúng tôi lật đật di chuyển trở về khách sạn. Ông cán bộ ngoại vụ giận dữ và khuyên chúng tôi nên rời Việt Nam nếu không hài lòng. Đây là lần đầu này có thể bắt giam chúng tôi, hay dàn xếp tạo tại nạn hại chúng tôi và không ai can thiệp được.

Khi biết được là họ không cần chúng tôi đến đây, sự đóng góp của chúng tôi không có giá trị nào đối với họ, và an ninh nhân thân của chúng tôi không được an toàn, chúng tôi quyết định rời Việt Nam. Lương tâm chúng tôi rất bị dằn vặt về quyết định ra đi này vì chúng tôi cảm thấy gắn gũi, thân thiết với nhóm trẻ mồ côi, và các nhân viên của cô nhi viện, nhân viên của Làng Y Tế Hòa Bình. Chúng tôi có nhiều cảm tình với người dân Việt Nam, với đất nước Việt Nam tuyệt đẹp này. Chúng tôi ước ao ngày nào đó sẽ trở lại Việt Nam để hoàn tất chương trình còn dang dở.

Mong sao thế hệ lãnh đạo này thoái lui để cho dân tộc Việt Nam thoát khỏi vỏ kén để trở dậy tung đôi cánh bướm sặc sỡ bay khắp vùng trời Đông Nam Á.

**Lê Tiểu phông dịch**

Ed Oshiro hiện về hưu và ngụ tại Mereer Island (thành phố Seattle, tiểu bang Washington), nguyên là phụ tá giám đốc Chương Trình Giáo Dục Y Tế của Group Health Cooperatives.

# Thông cảm cho "Ba Dũng"!

Thưa bà con cô bác, nhất là bà con cô bác ở Miền Nam, quê hương của Ba Dũng.

Ba Dũng đây tức là thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng "của chúng ta".

Nhớ hồi nghe tin Ba Dũng được "đảng ta" chọn làm thủ tướng, nhiều bà con cô bác trong chúng ta cảm thấy hồ hởi, hy vọng và tin rằng Ba Dũng sẽ làm được cái gì đó cho mọi người.

Niềm tin và hy vọng vào Ba Dũng nó mong manh như làn sương buổi sáng sớm, bởi vì có nghe Ba Dũng hứa hẹn hay vận động tranh cử hoặc thăm viếng bà con cô bác như mấy ông làm chính trị bên các nước tư bản giãy chết đâu.

Cái niềm tin mơ hồ đặt vào Ba Dũng là do Ba Dũng người Miền Nam, mà con người Miền Nam vốn trung thực, thẳng thắn, phóng khoáng, nói được làm được... Thế nhưng bà con ta vốn từ lúc "hy vọng" vào Ba Dũng đã chuyển sang giai đoạn "thất vọng" và rồi đã đến lúc "tuyệt vọng".

Tuy nhiên vì lòng yêu mến Ba Dũng nên hôm nay Hai Lúa tui có mấy lời thanh minh cho Ba Dũng, hy vọng là nghe xong mấy lời của tui mà bà con cô bác hết sức "thông cảm" cho Ba Dũng.

Chắc bà con vẫn chưa quên những lời nói của Ba Dũng khi mới lên làm thủ tướng? Ba Dũng nói rằng "tôi yêu nhất sự trung thực và ghét nhất sự giả dối", tui tin là ông nói thật lòng. Còn ông không làm được như ông nói chẳng qua là vì "cơ chế", vì "hoàn cảnh" mà thôi.

1. Vụ đầu tiên mà ai có thể quên chứ bà con nông dân Miền Nam thì không thể quên được đó là hồi năm ngoài (2008), khi giá cả nguyên vật liệu toàn thế giới leo thang đặc biệt là lương thực. Nông dân mình đang hí hửng vì giá gạo xuất khẩu tăng, bà con sẽ kiếm thêm được ít tiền cho con cái ăn học thì dùng một cái Ba Dũng kí ngay một cái công điện cấm xuất khẩu gạo để "đảm bảo an ninh lương thực". Việt Nam đang là một trong hai nước xuất khẩu gạo đứng đầu thế giới bỗng nhiên muốn... thiếu gạo! Giá gạo tăng vù vù mỗi ngày, trong các siêu thị lớn mỗi người dân chỉ được mua tối đa là 10 kg gạo, một cơn "sốt gạo" đã diễn ra nhiều ngày mà không thấy Ba Dũng có ý kiến gì. Sau đó một thời gian gạo rớt giá thê thảm, bà con muốn bán lỗ để lấy tiền chi tiêu sinh hoạt cũng không có ai mua. Vụ đó bà con cô bác thiệt hai hàng chục tỉ đồng.

Chắc bà con nhiều người giận Ba Dũng lắm, nhưng xin bà con "thông cảm" cho Ba Dũng. Vụ này không phải Ba



Dũng mắc mưu các "thế lực thù địch" đâu mà do "dự báo" của chính phủ sai (vì cái cơ chế của ta nó quan liêu), Ba Dũng và ông bộ trưởng nông nghiệp và phát triển nông thôn Cao Đức Phát đã "nghiêm túc tự kiểm điểm" trước Quốc hội rồi. Bà con đừng nghe lời bọn "phản động" nói rằng Ba Dũng ăn tiền của bọn con ông cháu cha, phụ trách Tổng công ty Lương thực ở Miền Nam lợi dụng cơ hội để kiếm chác. Ông Danh Út, phó đoàn đại biểu quốc hội tỉnh Kiên Giang "nói xấu" Hiệp hội Lương thực Việt Nam (VFA) là coi chừng mắc mưu "các thế lực thù địch" đấy nghen.



2. Vụ thứ hai mà Ba Dũng phải chịu rất nhiều điều tiếng oan đó là vụ thiếu tướng công an Phạm Xuân Quắc, thượng tá công an điều tra Nguyễn Văn Huỳnh và hai nhà báo là Nguyễn Việt Chiến, Nguyễn Văn Hải, bị khởi tố và tổng giam. Đành rằng trước khi bắt Nguyễn Việt Tiến, tướng Quắc cũng đã xin chỉ thị của Ba Dũng và Ba Dũng đã đồng ý rồi. Chắc bà con còn nhớ là khi Ba Dũng lên làm thủ tướng có hứa chống tham nhũng mà lị. Không ngờ vụ đó cánh công an điều tra và cánh nhà báo làm dữ quá, khiến Nguyễn Việt Tiến ê chề vì quá nhục nhã. Dân đen hay bọn "hoạt động dân chủ" thì phải "im lặng chịu đòn" chứ Nguyễn Việt Tiến đâu phải người tầm thường, y là đàn em thân tín của đức vua Nông, nên mọi chuyện mới ra nông nổi như vậy. Trước khi bị khởi tố chắc tướng Quắc gọi cho Ba Dũng đến nóng cả máy điện thoại nhưng lệnh "vua ban" ra rồi Ba Dũng đâu làm gì được? Ba Dũng tuy làm thủ tướng nhưng cũng phải tuân thủ "điều lệ đảng" chứ. Mong tướng Quắc và mọi người hiểu và thông cảm cho Ba Dũng. Ba Dũng cũng muốn chống tham nhũng lắm chứ, nhưng sau vụ này thì Ba Dũng... cách đến già.

3. Vụ thứ ba do sơ xuất mà Ba Dũng cũng bị mang tiếng oan đó là vụ Thái Hà. Trước khi hai khu đất của Thái Hà biến thành công viên thì Ba Dũng cũng đã muốn giải quyết cho êm đẹp nên mới tới thăm Tòa Khâm Sứ và Ba Dũng đã được đích thăm tổng giám mục Hà Nội Ngô Quang Kiệt tiếp đón và dẫn Ba Dũng đi thăm khu đất đang tranh chấp. Sau đó Ba Dũng còn vi vu sang tận La Mã để hội kiến với giáo hoàng Benedict 16. Được gặp giáo hoàng là niềm vinh dự cho bất cứ ai, cho nên giáo dân Thái Hà hy vọng tấm lòng của giáo hoàng, của đức giám mục Ngô Quang Kiệt sẽ làm cho Ba Dũng thành tâm ra tay giúp đỡ, giải quyết có tình có lý hai khu đất đang bị tranh chấp đó.

Hai Lúa tui tin rằng Ba Dũng đã đưa vấn đề này ra ở bộ chính trị nhưng mà "đảng ta" luôn xem "tôn giáo là thuốc phiện ru ngủ quần chúng" nên không thể đội trời chung và không thể buông tha cho các tôn giáo. Ba Dũng rất buồn vụ đó nhưng vì cơ chế của "nhà nước ta" là

"tập trung dân chủ". Ba Dũng phải tuân lệnh của tập thể bộ chính trị nên đành đứng nhìn cảnh "đảng ta" đem công an và chó nghiệp vụ tới "nói chuyện phải quấy" với giáo dân xứ Thái Hà. Sự việc xảy ra là ngoài ý muốn của Ba Dũng. Mong bà con giáo dân thông cảm.

4. Mấy vụ trên tuy có làm sút mẻ tí chút uy tín của Ba Dũng nhưng vẫn không nghiêm trọng bằng vụ bê-xít trên Tây Nguyên. Chắc bà con cô bác cũng đã nghe nhiều về chuyện này rồi. Oan cho Ba Dũng quá. Nhưng cũng không còn cách nào khác. Không làm vụ này thì cả "đảng ta" đi tong, lấy đâu ra tiền để trả lương cho quân đội, công an và bộ máy hành chính khổng lồ của "nhà nước ta"? Lấy tiền đâu để trả lương cho đám "tôi tớ" phục vụ bà con cô bác? Tuy Ba Dũng biết vụ bê-xít này "lợi ít, hại nhiều" nên đã chần chừ rất lâu không gật, mặc kệ lão vua họ Nông ký kết các thông báo chung từ gần chục năm nay với người anh em Trung Quốc. Thế nhưng khủng hoảng kinh tế thế giới đến bất ngờ quá. Ngân sách nhà nước, của đảng ta thâm hụt nặng nề, thu không đủ chi. Ba Dũng dù gì cũng là thủ tướng, đứng đầu chính phủ, không lẽ để "đắm thuyền" à? Ba Dũng đành phải làm cái việc "Lê Lai cứu Đảng". Ba Dũng phải "tả đột hữu xông" khác gì Tôn Ngộ Không tái thế.

Ba Dũng biết là bà con cô bác cũng như các tướng lĩnh và các quân nhân của quân đội nhân dân Việt Nam oán trách Ba Dũng nhiều lắm. Nhất là vụ Ba Dũng "lừa" tướng Giáp. Ba Dũng có nhận được hai lá thư của đại tướng Võ Nguyên Giáp can ngăn việc khai thác bê-xít ở Tây Nguyên nhưng Ba Dũng không trả lời cụ được vì Ba Dũng đâu thể làm khác? Hợp đồng đã ký với người anh em rồi, mà nó là thằng anh, lại đầu gối nũa. Giờ Ba Dũng không nghe nó, nó "tấn" cho bỏ mẹ đi chứ. Hôm đến thăm cụ Giáp dù Ba Dũng đã lơ vụ đó đi rồi mà cụ Giáp cứ xoáy vào khiến Ba Dũng phải hứa bừa là sẽ "nghiêm túc tiếp thu ý kiến của cụ", tối đó về "người anh em Trung Quốc" và mấy đồng chí trong bộ chính trị chửi Ba Dũng không ra gì cả khiến hôm sau xuống Hải Phòng Ba Dũng phải đính chính lại rằng "sẽ biến việc khai thác bê-xít thành ngành công nghiệp lớn".

Thưa bà con, oan cho Ba Dũng quá đi. Việc khai thác bê-xít là nhằm bảo vệ sự nghiệp thần thánh của đảng ta, là sự nghiệp chung của "toàn đảng, toàn dân ta" thế mà chả thấy ai lên tiếng ngoài Ba Dũng cả? Thành ra Ba Dũng mới thành cái bung xung cho thiên hạ chửi.

Ngay cả mấy ông trong bộ chính trị ngoài vua Nông và ông Nguyễn Phú Trọng chả có ai lên tiếng "chia lửa" cho Ba Dũng! Thế mới đau, chúng cứ đổ hết lên đầu Ba Dũng vì cho rằng Ba Dũng là thuyền trưởng, để tàu chìm là tội của Ba Dũng, thế mới khổ cái thân Ba Dũng. Cũng may nói mãi, vãi cả bọt mép ra mới "vận động" được Trần Đình Đán, chủ nhiệm văn phòng quốc hội đứng ra nói đỡ cho mấy câu, nhưng tên này chỉ số IQ quá thấp, quốc hội chưa kịp họp nó đã bảo là "Quốc hội hoàn toàn đồng ý với việc khai thác bê-xít trên Tây Nguyên", chẳng có lớp lang, bài bản gì cả. Chỉ tổ đổ thêm

dầu vào lửa.

Bà con thấy đó, làm thủ tướng cực lắm chó bộ? Còn khổ hơn đi cấy lúa.

Còn mấy cái vụ mà thiên hạ đồn vớ, đồn vẩn như việc Ba Dũng xây khu nhà thờ họ to như cung vua, tốn hàng chục tỉ đồng, rồi chuyện vì làm khó dễ tên tài xế chở đôi hạc về nhà thờ tổ Ba Dũng mà trưởng phòng cảnh sát giao thông tỉnh Kiên Giang bị mất chức, hay việc Lê Thanh Hải đem hàng trăm tỉ đồng ra Hà Nội để hối lộ cho mấy chục vị trong bộ chính trị để họ bỏ qua vụ tham nhũng vốn ODA của Nhật mà bản thân Ba Dũng cũng nhận được 3 triệu đô trong đó... Bà con cô bác đừng có nghe bọn không ưa Ba Dũng nên bày đặt chuyện nói xấu Ba Dũng.

Thật ra Ba Dũng buồn và lo lắm nên dù làm thuyền trưởng của con tàu mang tên "Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam" nhưng mà Ba Dũng đâu có tin gì vào cái tương lai mà con tàu sẽ mang bà con cô bác đến. Ba Dũng đành đem cả hai đứa con gửi sang để quốc Mỹ du học, đứa con gái "sắc nước hương trời" cũng gả cho tên Việt Kiều Mỹ, tức Henry Hoàng (Nguyễn Bảo Hoàng).

Ba Dũng có tâm sự với Hai Lúa tui rằng không biết hồi nào con thuyền "đảng ta" sẽ chìm nên phải lo phòng thân. Mai này có chuyện gì xảy ra thì Ba Dũng cũng đã có nơi nương náu, đó không phải là Trung Quốc (Ba Dũng ghét bọn này lắm) mà là Hoa Kỳ. Ba Dũng sẽ sang đó theo diện "đoàn tụ gia đình". Nơi đó sẽ là chốn bình yên dành cho Ba Dũng. Kể ra Ba Dũng cũng cay cú tên blogger "Chúng ta cần thay đổi" (Change We need), nó cứ đem chuyện thâm cung bí sử của đảng ta và Ba Dũng ra huých toẹt tất cả cho mọi người đều biết, đám cưới của công chúa con gái Ba Dũng với Henry có báo nào trong nước dám đưa tin đâu thế mà rồi thiên hạ ai cũng biết khiến Ba Dũng không biết ăn nói thế nào với mấy bọn bảo thủ trong đảng, khiến chúng nó cứ hoành hợ Ba Dũng mãi.

Mấy lần buồn chán Ba Dũng có tâm sự với Hai Lúa và hỏi Hai Lúa nên làm thế nào? Hai Lúa tui thật lòng bảo với Ba Dũng rằng nếu lịch sử đã đến hồi sang trang thì Ba Dũng nên thuận theo ý trời, cố chống lại mệnh nước và lòng dân cũng đâu có được? Con tàu mà Ba Dũng đang làm thuyền trưởng đã quá mục nát, mà bảo tố thì đang vẫn vũ xung quanh, trước sau nó cũng chìm.

Trước khi chia tay Hai Lúa tui, Ba Dũng có phân bua rằng hãy hiểu và thông cảm cho Ba Dũng, dưới cái chế độ này kể cả thủ tướng cũng đâu có cái quyền muốn làm gì thì làm, Ba Dũng cũng hiểu rằng con thuyền mục nát không sớm thì muộn sẽ chìm nhưng Ba Dũng không đủ dũng khí để nhảy xuống nước mà đành nhắm mắt chờ đến lúc... tàu chìm.

Hai Lúa tui không biết nói gì hơn nữa, đành an ủi Ba Dũng một câu rằng "thà làm dân đen một nước tự do còn hơn làm thủ tướng một nước độc tài cộng sản".

Ba Dũng nghe nhưng im lặng, không thấy nói gì...

**Việt Hoàng**

(Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên)

# Cấp cao, cao cấp

Thưa quý vị yêu nước, những bàn tán của quý vị về những khuynh hướng trong Đảng và nhân sự lãnh đạo sắp tới của Đảng chứng tỏ quý vị chẳng biết gì cả. Tôi thấy cần cung cấp cho quý vị một số thông tin quan trọng.

Đầu năm 2008 : tất cả đã rõ ràng. Ông Nguyễn Tấn Dũng toàn thắng, ông là con nuôi (có người nói là con đẻ) ông Lê Đức Anh và cũng được ông Đỗ Mười hỗ trợ. Ông có vị thế áp đảo trong Đảng lại được tiếng, không biết vì lý do nào, là người cởi mở, thân Phương Tây, chống Trung Quốc. Ông sẽ là tổng bí thư sau đại hội 11. Vấn đề chỉ là ông sẽ kiêm nhiệm luôn chức vụ chủ tịch nước hay chức vụ thủ tướng.

Giữa năm 2008 : ông Trương Tấn Sang mạnh lên. Phe ông Sang rĩ tai các cấp ủy (xin chú thích cho quý vị không thông thạo ngôn ngữ Đảng : "cấp ủy" là tiếng dùng để chỉ những đảng viên có vai trò lãnh đạo) rằng hãy suy ngẫm vụ Nguyễn Việt Tiến, một thứ trưởng trong sạch như ông Tiến, gia tài chưa tới 50 triệu đô, mà cũng bị tội tham nhũng thì rồi đây sẽ còn nhiều người khác. Ông Dũng đang cố lấy lòng dân, nhân tiện triệt hạ nhiều người khác. Riêng ông Nông Đức Mạnh căm thù ông Dũng đã bêu xấu mình trong vụ PMU-18. Nhưng lý do chính là ông Sang đã thăm hỏi tặng quà thường xuyên cho hai ông Lê Đức Anh và Đỗ Mười. Ông Lê Đức Anh đã nghe ngãng, quên hết, thấy ông Sang thường tới thăm lại tưởng con mình tên là Trương Tấn Sang, ai tới thăm mình cũng chỉ nói ba tiếng "Trương Tấn Sang". Nhiều cấp ủy đến thăm hỏi hai ông Đỗ Mười và Lê Đức Anh cùng một lúc đều thấy ông Anh chỉ nhắc tên ông Sang, còn ông Mười lim dim gật đầu. Mọi người yên chí hai thái thượng hoàng đã chọn ông Sang.

Đầu năm 2009 : Trương Tấn Sang toàn thắng. Nguyễn Tấn Dũng KO. Ông Dũng bị lỗ bịch hóa trong cuộc khủng hoảng kinh tế, làm cái gì cũng sai, nói điều gì cũng trật lất, dân chúng và đảng viên cơ sở oán giận ông vì đời sống suy sụp. Vụ bê xít Tây Nguyên là đòn ân huệ, ông đột ngột trở thành tay sai Trung Quốc. Ông Sang ký kết luận của bộ chính trị xét lại dự án và trở thành người bảo vệ đất nước. Phe ông Dũng bối rối đề nghị giải pháp Lê Khả Phiêu, hai ông Dũng và Sang vẫn giữ chức vụ cũ, ông Phiêu làm tổng bí thư. Ông Phiêu hân hoan, cho xuất bản hồi ký "mệnh mang tình dân" chuẩn bị tái xuất giang hồ. Phe ông Sang cho phổ biến cuốn phim về tư thất sang trọng của ông Phiêu trong đó có nhiều báu vật lấy từ viện bảo tàng. Ông Sang cậy thắng nhất định không thỏa hiệp. Ông Phiêu bay !

Đầu tháng 5-2009 : tình hình thay đổi. Ông Dũng nghe lời các quân sư đánh ván bài tuyệt vọng : đến xin lỗi ông Nông Đức Mạnh và đề nghị ông Mạnh giữ chức chủ tịch nước sau đại hội 11. Ông Mạnh rất hài lòng và quay sang ủng hộ ông Dũng. Ông Dũng cũng đề nghị bỏ hạn tuổi về hưu cho ban chấp hành trung ương và bộ chính trị, đề nghị này được đa số trong bộ chính trị ủng hộ, chỉ trừ hai ông Hồ Đức Việt và Tô Huy Rứa không bị đe dọa vì hạn tuổi và đã từng ra mặt

## MỤC LỤC

- 01. Đùng quên Thiên An Môn !
- 02. Obama ở Cairo, dân chủ ở mức độ zero ?  
*Thông Luận*
- 05. Trung Quốc : bí mật của sự ổn định  
*Nguyễn Gia Kiểng*
- 07. Tham vọng bành trướng sẽ đưa Trung Quốc về đâu ?  
*Nguyễn Minh*
- 08. Những người trồng cây  
*Nguyễn Văn Huy*
- 11. Thơ : Yêu Nước  
*Phạm Việt Vinh*
- 12. Giả biệt Việt Nam !  
*Hoàng Cúc*
- 14. Thông cảm cho Ba Dũng !  
*Ed Osira*
- 16. Cấp cao, cao cấp  
*Việt Hoàng*  
*Dây*

chống đối ông Dũng. Ông Dũng lại có vẻ thắng thế.

Giữa tháng 5-2009 : ông Nguyễn Minh Triết, một đồng minh kỳ cựu của ông Dũng, nổi giận khi được biết ông Dũng đề nghị ông Mạnh làm chủ tịch nước, quay sang ủng hộ ông Sang. Ông Trương Vĩnh Trọng cũng theo ông Triết ủng hộ ông Sang. Tổng Cục 2, từ trước vẫn thân ông Sang, bản tiếng là họ có hồ sơ tham nhũng và trai gái của nhiều cấp ủy lớn. Đa số lại ủng hộ ông Sang.

Đầu tháng 6-2009 : ông Hồ Đức Việt thấy mình làm tổng bí thư là giải pháp hay nhất. Ông chưa mang tiếng tham nhũng và trai gái, biết rõ Đảng vì đang nắm ban tổ chức, có bằng tiến sĩ thực chứ không phải bằng giả như ông Dũng, hay bằng nhờ người thi hộ như ông Sang. Ông Việt cũng tranh thủ được Tổng Cục 2 vì hứa thắng cho ông Nguyễn Chí Vịnh lên chức thượng tướng. Ông Sang phản công, hứa cho ông Vịnh cấp đại tướng. Ông Phùng Quang Thanh ủng hộ ông Hồ Đức Việt vì thấy mình là người xứng đáng nhất để giữ chức vụ chủ tịch nước, chức vụ mà ông Sang đã hứa cho ông Triết, ông Dũng đã hứa cho ông Mạnh. Ông Nguyễn Phú Trọng ngó ý muốn giữ chức thủ tướng. Ông Sang đồng ý. Ông Sang cũng đề nghị ông Hồ Đức Việt chức vụ thường trực bộ chính trị và ban bí thư. Mọi việc có vẻ tạm xong.

Bỗng nhiên ông Phạm Gia Khiêm cho biết ông Hồ Cẩm Đào không đồng ý. Thế là tất cả phải sắp xếp lại từ đầu. Tôi sẽ tiếp tục theo dõi và thông báo với quý vị những diễn biến mới.

Nếu quý vị nhận xét là tất cả những tranh chấp này chỉ do những động cơ cá nhân là quý vị vẫn chưa hiểu gì. Ở Việt Nam hiện nay những chuyện cao siêu như chính sách và định hướng chỉ là những thảo luận tào lao giữa các ông bà dân chủ hay các đảng viên cấp thấp. Ở cấp cao người ta rất cụ thể. Chớ nên lầm lẫn cấp cao và cao cấp.

**Đáy**